BnF Gallica

Thánh giáo yêu lý ([Ed. rev. et corr.])

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

BnF Gallica

. Thánh giáo yêu lý ([Ed. rev. et corr.]). 1934.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :
- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».
- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.
- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter
utilisation.commerciale@bnf.fr.

8°
INDO-CHINOIS
1916

HÁNH THIÁO

N° 2006

YẾU LÝ

ÉDITION REVUE ET CORRIGÉE

IMPRIMERIE DE QUINHON
Quinhon (*Annam*)

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

HÁNH GIÁO

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 2006

YẾU LÝ

ÉDITION REVUE ET CORRIGÉE

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
R.F.
IMPRIMÉS

IMPRIMERIE DE QUINHON
QUINHON (*Annam*)

8° Indoch.
1916

Imprimatur :

† A. TARDIEU.

Vic. Ap.

Quinhon, 5 Septembre 1934

THÁNH GIÁO YẾU LÝ

Thiên Chúa nhứt thể tam vị, đệ nhứt thiên.

1 — Hỏi — Có mấy đàng lên thiên đàng ?

Thưa. — Có một đàng rất chính rất thật, là đạo thánh Đức Chúa Trời.

2 — H. — Đức Chúa Trời là ai ?

T. — Là đấng dựng nên trời đất muôn vật ?

3 — H. — Đ. C. T. lấy đi gì mà dựng nên trời đất muôn vật ?

T. — Lấy phép tắc vô cùng.

4 — H. — Lấy phép tắc vô cùng nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là bởi không, mà Người phán một lời, tức thì liền có trời đất muôn vật.

5 — H. — Vì ý nào mà Đ. C. T. dựng trời đất muôn vật ?

T. — Có ý cho sáng danh Người, cùng cho ta đặng dùng.

6. — H. — Thuở chưa có trời đất, Đ C T. ở đâu ?

T. — Trước sau cũng vậy, vì Người là tính thiêng liêng, chẳng lựa có nơi nào thì mới ở đặng.

7 — H. — Ai sinh ra ta ?

T. — Đ C T. sinh ra ta.

8 — H. — Đ C T. sinh ta làm chi ?

T. — Đ C T. sinh ta cho đặng thờ phượng kính mến Người hầu ngày sau hưởng phước đời đời.

9 — H. — Đ C T. ra làm sao ?

T. — Đ C T. là đấng trọn tốt trọn lành, thiêng liêng sáng láng vô cùng.

10 — H. — Đ C T. ở đâu ?

T. — Đ C T. ở khắp mọi nơi.

11 — H. — Đ C T. ở khắp mọi nơi, làm sao ta xem chẳng thấy ?

T. — Vì Người là tính thiêng liêng, cho nên con mắt ta xem thấy.

12 — H. — Ta đã chẳng thấy Đ C T., mà Người có thấy ta chăng ?

T. — Người xem thấy tỏ tường, dầu những sự kín nhiệm trong lòng ta, thì Người cũng soi thấu nữa.

13 — H. — Đ C T. mới có thuở nào ?

T. — Người là đấng tự hữu, hằng có đời đời.

14 — H. — Có mấy Đ C T. ?

T. — Có một Đ C T., mà Người có ba ngôi ; ngôi thứ nhứt là Cha, ngôi thứ hai là Con, ngôi thứ ba là Thánh Thần.

15 — H. — Ngôi thứ nhứt có phải là Chúa chăng ?

T. — Phải.

16 — H. — Ngôi thứ hai có phải là Chúa chăng ?

T. — Phải.

17 — H. — Ngôi thứ ba có phải là Chúa chăng ?

T. — Phải.

18 — H. — Nếu vậy, chẳng phải là ba Đức Chúa Trời sao ?

T. — Chẳng phải, vì ba ngôi cũng một tính một phép, cho nên ba ngôi cũng một Chúa mà thôi.

19 — H. — Có ngôi nào lớn ngôi nào bé chăng ?

T. — Ba ngôi cũng bằng nhau, không lớn mọn trước sau.

20 — H. — Đ C T. đã sinh ra loài nào trọng hơn ?

T. — Đ C T. đã sinh ra hai loài trọng hơn, một là Thiên thần, hai là loài người ta ?

21 — H. — Thiên thần là đấng nào ?

T. — Thiên thần là đấng thiêng liêng, Đức Chúa Trời dựng nên mà chầu chực Người và hưởng phước đời đời.

22. — H. — Hết thảy các Thiên thần có đặng hưởng phước đời đời chăng ?

T. — Chẳng đặng, vì có phần phạm tội kiêu ngạo, nên Đ CT. phạt nó trong hoả ngục, gọi là ma quỉ.

23 — H. — Các Thiên thần đã giữ nghĩa cùng Chúa, bây giờ ở đâu ?

T. — Các đấng ấy hưởng phước đời đời trên thiên đàng.

24 — H. — Các Thiên thần có giúp người ta chăng ?

T. — Mỗi người có một Thiên thần gìn giữ mình, nên ta phải tin cậy và tôn kính người lắm.

25 — H. — Tổ tông loài người ta là ai ?

T. — Tổ tông loài người ta là ông A-dong, bà E-và.

26 — H. — Ông A-dong, bà E-và có giữ nghĩa cùng Đ C T. chăng?

T. — Chẳng giữ, cho nên nếu chẳng có công nghiệp Chúa Cứu thế, thì cả và loài người ta đã phải khốn nạn đời đời.

Giáng sanh cứu thế, đệ nhị thiên.

27 — Hỏi — Ba ngôi, ngôi nào ra đời ?

T. — Ngôi thứ hai ra đời.

28 — H. — Ngôi thứ hai ra đời, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là Chúa rất sang trọng vô cùng, lấy xác lấy linh hồn làm người hèn hạ như ta.

29 — H. — Ngôi thứ hai vốn phải là người chăng ?

T. — Vốn thật là Chúa, song khi ra đời thì cũng thật là người nữa.

30 — H. — Ngôi thứ nhứt, ngôi thứ ba, có ra đời chăng ?

T. — Chẳng ; có một Ngôi thứ hai ra đời mà thôi.

31 — H. — Ngôi thứ hai ra đời lấy xác, lấy linh hồn ở đâu làm người mà ra đời ?

T. — Người xuống thai trong lòng

rất thánh Đức Bà Maria trọn đời đồng trinh.

32 — H. — Đức Bà trọn đời đồng trinh mà chịu thai làm sao đặng ?

T. — Chẳng phải là sự thường như người thế gian, song thật bởi phép Đ C T Thần ; cho nên khi chịu thai cùng sinh đẻ, hãy còn trọn mình đồng trinh sạch sẽ.

33 — H. — Ngôi thứ hai ra đời đặt tên là gì ?

T. — Đặt tên là Giêsu, nghĩa là Cứu thế.

34 — H. — Chúa Cứu thế làm những sự gì khi còn ở thế gian nầy ?

T. — Người dạy dỗ ta về đàng rỗi linh hồn, và bởi công nghiệp Người, thì ta đặng nên thánh.

35 — H. — Công nghiệp Người là đi gì ?

T. — Là người chịu nạn chịu chết trên cây thánh Giá vì tội loài người ta.

36 — H. — Người chịu chết ngày nào ?

T. — Người chịu chết ngày thứ sáu trước lễ Phục-sinh.

37 — H. — Đ C Giêsu là Đ C T. mà chịu chết làm sao đặng ?

T. — Đ C Giêsu có hai tính : một là tính Đ C T. chẳng hay chịu chết, hai là tính người ta mới hay chịu chết.

38 — H. — Xác Đ C G. táng ở đâu ?

T. — Táng trong huyệt đá mới.

39 — H. — Linh hồn Đ C Giêsu đi đâu ?

T. — Linh hồn Đ C Giêsu xuống ngục tổ tông đem linh hồn các thánh lên, vì từ ông A-dong phạm tội, ví bằng không công nghiệp Chúa Cứu thế, thì chẳng ai đặng lên trời.

40 — H. — Chúa Cứu thế có sống lại chăng ?

T. — Chết chẳng đủ ba ngày, mà Người song lại.

41 — H. — Sống lại đoạn Đ C Giêsu đi đâu ?

T. — Sống lại Người ở thế gian bốn mươi ngày, dạy dỗ các thánh Tông-đồ, hầu mà giảng đạo cho thiên hạ ; đoạn thì Người ngự về trời, mà Đ C T Thần hiện xuống trên các thánh Tông đồ.

42 — H. — Bây giờ Đ C Giêsu ở đâu ?

T. — Luận về tính Đ C T., thì Người ở khắp mọi nơi ; bằng về tính người ta thì Người ở trên trời và ở trong thánh Thể bí tích.

43 — H. — Chúa Cứu thế có khi nào Người lại xuống thế nữa chăng ?

T. — Đến ngày tận thế, Người lại xuống phán xét chung cả và loài Người ta.

44 — H. — Vậy, thì còn phán xét riêng nào nữa sao ?

T. — Mỗi người khi linh hồn ra

khỏi xác, đều phải chịu phán xét riêng nữa.

45 — H. — Đã chịu phán xét riêng, còn phán xét chung làm chi nữa ?

T. — Ngõ cho quòn cả Chúa Cứu thế, và những sự vang hiển các kẻ lành, cùng mọi đều sỉ nhục phô loài dữ, càng tỏ ra trước mặt thiên hạ.

Tử kỳ hữu định, đệ tam thiên.

46 — Hỏi. — Có khi nào ta phải chết chăng ?

T. — Đến kỳ Chúa định, chúng ta đều phải chết.

47 — H. — Chết đoạn, xác ta ra thể nào ?

T. — Xác ta đều phải hư nát.

48 — H. — Xác ta có phải hư nát đời đời chăng ?

T. — Chẳng ; đến ngày tận thế đều sống lại hết.

49 — H. — Linh hồn ta có chết chăng ?

T. — Linh hồn là tính thiêng liêng, chẳng hề chết đặng.

50 — H. — Vậy, khi xác chết đoạn, linh hồn đi đâu ?

T. — Linh hồn phải đến toà Đ C Giêsu mà chịu phán xét ?

51 — H. — Đ C Giêsu phán xét về những sự gì ?

T. — Người phán xét về những sự lành dữ đã lo, đã nói, đã làm.

52 — H. — Phán xét đoạn linh hồn đi đâu ?

T. — Hoặc lên thiên đàng, hoặc xuống hoả ngục, hay là vào lửa luyện ngục mặc việc lành dữ đã làm khi còn sống.

53 — H. — Thiên đàng là đi gì ?

T. — Thiên đàng là chốn Thiên thần, các thánh hưởng phước đời đời, vì đặng xem thấy Đ C T. luôn.

54 — H. — Những ai đặng lên Thiên đàng ?

T. — Những kẻ chẳng hề phạm tội gì trọng, hay là phạm tội mà đã ăn năn tội nên.

55 — H. — Hoả ngục là chốn nào ?

T. — Là nơi hình khổ, Đ C T. phạt cầm ma quỉ, và kẻ có tội đời đời chẳng cùng.

56 — H. — Những ai phải sa hoả ngục ?

T. — Những kẻ chẳng nhìn biết Đ C T. mà thờ phượng bụt thần ma quỉ, cùng quải lạy đơm tế tổ tiên, đến chết chẳng toan trở lại, và mọi người có đạo còn mắc tội trọng, mà qua đời.

57 — H. — Luyện ngục là chốn nào ?

T. — Luyện ngục cũng là nơi hình khổ, phạt cầm những kẻ lành khi còn sống mà đền tội mình chưa đủ.

Nhơn sanh tội chưởng, đệ tứ thiên.

58 — H. — Tội là đi gì ?

T. — Tội là những sự ngỗ nghịch cùng Đ C T.

59 — H. — Có mấy giống tội ?

T. — Có hai giống : một là tội tổ tông ; hai là tội mình làm.

60 — H. — Tội tổ tông là tội nào ?

T. — Tội tổ tông là ông A-dong, bà E-và chẳng vâng lời Đ C T. răn, cho nên phạm tội, mà truyền lại cho thiên hạ.

61 — H. — Tội mình làm, là tội nào ?

T. — Là lòng lo, miệng nói, mình làm đều gì mất lòng Đ C T.

62 — H. — Tội mình làm có mấy thể ?

T. — Có hai : một là tội trọng ; hai là tội nhẹ.

63 — H. — Tội trọng là đi gì ?

T. — Là tội làm cho ta nghịch cùng Chúa, và đáng chịu phạt đời đời.

64 — H. — Tội nhẹ là đi gì ?

T. — Là tội làm cho ta nguội lạnh yếu đuối và đáng chịu phạt trong lửa luyện ngục.

65 — H. — Có mấy mối tội đầu ?

T. — Có bảy : một là kiêu ngạo ; hai là hà tiện ; ba là dâm dục ; bốn là ghen ghét ; năm là mê ăn uống ; sáu là hờn giận ; bảy là làm biếng việc lành.

66 — H. — Vì sao gọi là tội đầu ?

T. — Vì là căn nguyên mọi tội lỗi khác.

67 — H. — Tội kiêu ngạo là đi gì ?

T. — Là tội hay làm cho người ta yêu chuộng và tâng mình lên quá, cùng khinh dể kẻ khác.

68 — H. — Tội ấy có phải tội trọng lắm chăng ?

T. — Nó là tội thứ nhứt, và trọng hơn, cùng hiểm nghèo hơn các tội khác.

69 — H. — Phải làm đi gì cho khỏi tội ấy ?

T. — Phải cầu xin cùng Chúa ban nhơn đức khiêm nhượn g ; cùng nhớ lại kẻ kiêu ngạo chẳng đặng lên nước Thiên đàng.

70 — H. — Tội hà tiện là tội nào ?

T. — Là tội hay làm cho người ta mê tham của cải thế gian quá lẽ.

71 — H. — Người ta có năng phạm tội ấy chăng ?

T. — Dầu kẻ giàu, kẻ khó, cũng năng phạm tội ấy.

72 — H. — Phải là thể nào cho khỏi tội ấy ?

T. — Phải lấy lòng rộng rãi mà bố thí cho vừa sức mình.

73 — H. — Tội dâm dục là gì ?

T. — Người ta mắc tội ấy, khi bởi sự tưởng ; hay là bởi lời nói ; hay là

bởi việc làm, ưng vui theo tinh hư xác thịt. Song giáo hữu phải gớm ghiếc tội ấy, đến đỗi chẳng dám nói đến tên nó.

74 — H. — Tội ghen ghét là thể nào ?

T. — Là tội hay làm cho người ta phân bì, cùng buồn bực, khi kẻ khác đặng thạnh lợi về phần hồn, hay là phần xác.

75 — H. — Phải làm đều gì cho khỏi tội ấy ?

T. — Phải giữ điều răn Chúa dạy : yêu người như mình vậy.

76 — H. — Tội mê ăn uống là làm sao ?

T. — Là khi người ta ăn uống quá lẽ, nhứt là những kẻ uống rượu say, thì trở nên loài vô tâm vô trí, cùng liều mình phạm nhiều tội khác.

77 — H. — Phải dùng cách chớ khỏi tội ấy ?

T. — Phải hãm mình ăn uống cho

tiết kiệm thích trung, cùng giữ lời ông thánh Phao-lồ dạy rằng : dầu khi ăn, dầu khi uống, dầu khi làm sự gì khác, thì phải có ý làm cho sáng danh Chúa.

78 — H. — Tội hờn giận là làm sao ?

T. — Là khi người ta bởi tính nóng nảy trong lòng cùng bề ngoài, nên giận quá lẽ ; hay là muốn báo oán.

79 — H. — Phải làm điều gì cho khỏi tội ấy ?

T. — Là trong lời nói, việc làm, chớ khá theo tính nóng nảy ; một theo lẽ phải, cùng giữ sự nhịn nhục hiền lành.

80 — H. — Đấng bề trên quở trách cùng sửa phạt kẻ bề dưới, có tội chăng ?

T. — Chẳng có tội, mà lại khi người có lẽ mà sửa phạt đặng, nếu chẳng sửa phạt thì mắc lỗi.

81 — H. — Tội làm biếng là tội nào ?

T. — Là tội hay làm cho người ta trễ nải, chẳng muốn chịu khó cho đặng rỗi linh hồn, và làm các việc cho xứng bổn phận mình.

82 — H. — Có nhiều kẻ phạm tội ấy chăng ?

T. — Nhiều người phạm tội ấy, mà có ít kẻ xét mình và lấy sự làm biếng là tội.

83 — H. — Có phải sợ tội ấy chăng ?

T. — Phải sợ lắm, vì sự ở nhưng là cội rễ mọi sự dữ.

Về ơn nghĩa cùng Chúa

Hỏi. — Khi nào ta có nghĩa cùng Chúa ?

T. — Khi ta sạch tội trọng, thì mới đặng nghĩa cùng Chúa.

H. — Có nghĩa cùng Chúa, đặng những ích gì ?

T. — Đặng năm ích trọng nầy :

— Một là đặng Chúa ngự trong linh hồn ta, cho ta làm con, cùng xưng Người là Cha. — Hai là đặng an lòng an trí, khoái lạc trong linh hồn. — Ba là đặng ơn thêm soi sáng giục lòng ta làm sự lành, lánh sự dữ. — Bốn là mọi việc lành ta làm, mới đặng công đáng thưởng đời đời. — Năm là rủi chết thình lình, chưa kịp chịu các phép sau hết, thì cũng chắc đặng rỗi linh hồn.

H. — Khi nào ta mất nghĩa cùng Chúa ?

T. — Hễ khi phạm một tội trọng, tức thì liền mất nghĩa cùng Chúa.

H. — Mất nghĩa cùng Chúa, thì khốn nạn thể nào ?

T. — Khốn nạn thể nầy :

— Một là làm cho Chúa ra khỏi

linh hồn ta, mà rước ma quỉ vào : cho nên mất chức làm con Chúa, mà hoá nên tôi tá ma quỉ. — Hai là rối lòng rối trí, bị lương tâm rúc rỉa. — Ba là linh hồn ra tối tăm yếu đuối : chẳng còn ái mộ việc lành. — Bốn là mất hết mọi công nghiệp đã lập bấy lâu ; và việc lành ta làm đương khi còn mắc tội trọng, thì chẳng đáng thưởng trên thiên đàng. — Năm là mắc án phạt đời đời ; rủi chết khi còn mắc tội trọng làm vậy, thì phải sa hoả ngục khốn nạn vô cùng.

H. — Có mấy đều mới thành tội trọng, làm mất nghĩa Chúa ?

T. — Phải có ba sự nầy : — Một là phạm đến việc trọng trong luật cấm, hay là luật dạy. — Hai là vừa hiểu biết việc mình đương phạm là tội trọng. — Ba là ý mình thật ưng muốn phạm.

H. — Khi thấy lòng ta tư tưởng

việc tội, mà ta hằng chống trả, chẳng chịu ưng theo chút nào, thì có tội chăng ?

T. — Chẳng mắc tội, mà lại có công trước mặt Chúa.

H. — Khi đã muốn, đã nói, đã làm việc gì rồi, mới biết là tội, mới sợ, thì có tội gì chăng ?

T. — Chẳng mắc tội ; vì hồi muốn, hồi nói, hồi làm, chưa biết là tội.

H. — Cứ mực nào cho biết việc gì là tội, cùng nặng nhẹ chừng nào ?

T. — Đương khi ta làm hay là bỏ việc gì, mà lòng ta lấy sự ấy làm tội, thì nó ra tội thật cho ta : lương tâm đoán nặng nhẹ chừng nào, thì nó ra nặng nhẹ cho ta chừng ấy.

H. — Khi sa cơ phạm tội rồi, phải làm thể nào ?

T. — Tức thì phải giục lòng ăn năn cách trọn, cùng đọc kinh ăn năn tội, mà xin Chúa thứ tha ; đoạn khi

nào có thể xưng tội được, thì phải xưng cho sớm.

H. — Phải làm đều gì, cho được lánh tội, hầu giữ nghĩa cùng Chúa ?

T. — Phải làm sáu sự nầy :

— Một là phải hết lòng sợ tội trọng, vì nó làm mất lòng Chúa, và hại linh hồn ta, như đã giải trước nầy : nên thà chết, chẳng thà phạm tội. — Hai là phải thật lòng khiêm nhượng, chẳng nên cậy mình, vì bởi sức riêng ta yếu đuối, phải có ơn Chúa, mới thắng đặng ma quỉ, xác thịt, thế gian. — Ba là phải hết lòng tin cậy Chúa cùng Đức Mẹ, là đấng rất nhơn lành, hay thương giúp ta cho khỏi phạm tội. — Bốn là khi bị cám dỗ phải chống trả tức thì, mà kêu xin Chúa cùng Đức Mẹ cứu chữa ta cho kíp. — Năm là siêng việc lành, tập nhơn đức ; nhứt là năng xưng tội, rước lễ. — Sáu là giữ ngũ quan cho

cho nhặt, cùng xa lánh các dịp hiểm nghèo, hay làm cho ta phạm tội.

Thánh bí tích đệ ngũ thiên.

84 — Hỏi. — Bởi sức riêng ta có đặng roi linh hồn chăng ?

T. — Chăng đặng, có ơn Chúa giúp thì mới đặng.

85 — H. — Ơn Chúa nghĩa là đi gì ?

T. — Nghĩa là sức thiêng liêng Đức Chúa Trời ban, vì công nghiệp Đ. C. G., cho ta đặng rỗi linh hon.

86 — H. — Ơn nào là ơn cần kíp cho ta đặng rỗi linh hồn ?

T. — Là ơn soi trí khôn cho biết sự phải sự chẳng, cùng giục lòng làm sự lành, và lánh sự dữ.

87 — H. — Ta có từ chối ơn Chúa đặng chăng ?

T. — Có nhiều lần ta từ chối ơn Chúa.

88 — H. — Đức Chúa Trời có ban ơn cho mọi người bằng nhau chăng ?

T. — Đ. C. T. rất nhơn từ, công bình vô cùng, chẳng mắc nợ ai, Người muốn ban ơn thể nào, thì nên thể ấy.

89 — H. — Ta phải làm đi gì cho đặng ơn Đ. C. T. ?

T. — Phải chịu lấy các phép Bí tích, cùng siêng năng đọc kinh cầu nguyện.

90 — H. — Phép Bí tích là gì ?

T. — Là dấu nhiệm bề ngoài chỉ và làm ơn thiêng liêng bề trong, Đ. C. G. đã lập cho ta đặng nên thánh.

91 — H. — Có mấy Bí tích ?

T. — Có bảy : thứ nhứt là phép Rửa tội ; thứ hai là phép Thêm sức ; thứ ba là phép Mình thánh Chúa ; thứ bốn là phép Giải tội ; thứ năm là phép Xức dầu thánh cho kẻ gần chết ; thứ

sáu là phêp Truyền chức thánh ; thứ bảy là phép Hôn phối.

92 — H. — Phép Rửa tội là đi gì ?

T. — Là phép làm cho ta khỏi tội tổ tông, và nên con Đức Chúa Trời cùng con Hội thánh.

93 — H. — Phép Rửa tội có tha tội mình làm chăng ?

T. — Những tội mình đã là trước, thì khi chịu phép Rửa tội nên, đều đặng khỏi hết.

94 — H. — Kẻ chẳng chịu phép Rửa tội có đặng rỗi linh hồn chăng ?

T. — Cháng ; có một khi muốn chịu, mà chẳng đặng, thì phải hết lòng ước ao cùng yêu mến Chúa, hay là chịu tử vì đạo, thì mới đặng mà chớ.

95 — H. — Đặng chịu phép Rửa tội mấy lần ?

T. — Đặng chịu một lần mà thôi, vì phép ấy đã in một dấu thiêng liêng vào linh hồn, chẳng hay mất đặng.

96 — H. — Ai đặng làm phép Rửa tội ?

T. — Các hàng linh mục đặng làm mà thôi ; song khi thế gấp thì mọi người, dầu mà kẻ ngoại, là theo ý Hội thánh, thì cũng đặng.

97 — H. — Phải rửa tội làm sao?

T. — Phải lấy nước lã, giội trên dầu kẻ chịu phép Rửa tội ; cũng một khi ấy đọc lời nầy rằng :

Tao rửa mầy nhơn danh Cha và Con và Thánh Thần.

98 — H. — Khi giội đầu chẳng đặng, thì phải làm thể nào ?

T. — Phải chọn nội mình nơi nào trọng hơn, thì phải giội đó.

99 — H. — Phép Thêm sức là đi gì ?

T. — Là phép làm cho ta đặng chịu ơn Đ. C. T. T., cho đặng lòng vững vàng xưng đạo thánh Chúa ra trước mặt thiên hạ.

100 — H. — Kẻ chẳng chịu phép Thêm sức, có đặng rỗi linh hồn chăng ?

T. — Đặng ; song kẻ khinh hay là làm biếng chẳng muốn chịu, thì phạm tội, lại mất những ơn trọng bởi phép ấy mà ra.

101 — H. — Nên chịu phép nầy nhiều lần chăng ?

T. — Chẳng nên, phải chịu một lần mà thôi, vì đã in vào linh hồn một dấu thiêng liêng, chẳng hay mất.

102 — H. — Ai muốn chịu phép nầy cho nên, phải là đi gì ?

T. - Phải làm ba sự nầy : Một là thuộc biết những sự chinh phải tin trong đạo. Hai là phải cho sạch mọi tội, ít nữa là sạch các tội trọng. Ba là đọc kinh Tin, Cậy, Kính mến, và có lòng ước ao cho đặng chịu phép ấy.

103 — H. — Ai còn mắc tội trọng mà chịu phép nầy có phạm tội chăng?

Γ. — Phạm tội rất trọng, vì là phạm sự thánh.

104 — H. — Ai đặng là phép Thêm sức ?

T. — Các hàng giám mục đặng làm mà thôi.

Thánh Thể đệ lục thiên.

105 — Hỏi — Phép Mình thánh Chúa nghĩa là đi gì ?

T. — Nghĩa là Mình thánh Máu thánh cùng linh hồn Đ. C. G. và tính Đ. C. T. ngự thật trong hình bánh rượu.

106 — H. — Bao giờ bánh rượu trở nên Mình thánh Máu thánh Đ C G. ?

T. — Khi thầy làm lễ Mi-sa đến nửa mùa, mà đọc lời Chúa truyền đoạn, tức thì bánh cùng rượu trở nên Mình thật Máu thật Đ. C. G. ?

107 — H. — Trong hình bánh, thì

toàn Minh thánh, mà trong hình rượu, thì toàn Máu thánh mà thôi sao ?

T. — Chẳng phải ; đầu trong hình bánh hình rượu, cả và hai đều có trót Mình và Máu thánh Chúa nữa.

108 — H. — Khi phân rẽ hình bánh làm hai, có rẽ phân Mình thánh Chúa ra chăng ?

T. — Chẳng ; rẽ phân hình bánh mà thôi, Mình thánh Chúa chẳng hề phân đặng ; dầu trong mọi phần nhỏ mọn, cũng có trót Mình cùng Máu thánh Người.

109 — H. — Đức Chúa Giêsu lập phép thánh Thể làm chi ?

T. — Trước là có ý cho ta đặng nhớ công ơn Người đã chuộc tội chịu chết vì ta, sau là nên lương thực thiêng liêng, cho đặng nuôi linh hồn ta nữa.

110 — H. — Đ. C. Giêsu đã lập phép nầy bao giờ ?

T. — Đã lập chưng ngày thứ năm trước khi Người chịu nạn.

111 — H. — Kẻ muốn chịu Mình thánh Chúa cho nên, thì phải làm thể nào ?

T. — Phải dọn linh hồn và xác.

112 — H. — Dọn linh hồn là làm sao ?

T. — Phải xét mình, bằng có phạm tội gì, thì phải ăn năn cùng xưng tội ấy, và có lòng tin, cậy, kính mến, khiêm nhượng, ước ao cùng tạ ơn.

113 — H. — Kẻ còn mắc tội trọng mà chịu lễ, có rước thật Mình thánh Máu thánh Chúa chăng ?

T. — Rước thật ; song le những ké ấy, thật là rước hình phạt cho mình, vì là phạm sự thánh.

114 — H. — Phải dọn xác là thể nào ?

T. — Phải giữ lòng chay sạch, từ nửa đêm cho đến khi chịu lễ, chẳng

nên ăn uống vật gì, phải ăn mặc nết na tề chỉnh, và lòng tôn kính khiêm nhượng qui gối mà rước Mình thánh Chúa.

115 — H. — Ta phải ước ao năng chịu Mình Chúa chăng ?

T. — Ta phải ước ao luôn ; càng năng chịu bao nhiêu, thì càng đặng ích bấy nhiêu.

116 — H. — Đặng những ích nào ?

T. — Một là ta đặng hiệp làm một cùng Chúa ; hai là thêm ơn trọng Chúa trong ta; ba là bớt những tình tư dục; bốn là cho ta đặng dấu thật ngày sau sẽ hưởng phước đời đời.

117 — H. — Lễ Mi-sa là lễ nào ?

T. — Là lễ dâng Mình thánh Máu thánh Đ. C. Giêsu trong hình bánh rượu, mà tế lễ Đ. C. T., như xưa Chúa đã dâng Mình trên cây thánh Giá cho Đ. C. Cha.

118 — H. — Ấy vậy thì lễ Mi-sa

cũng là một lễ, như xưa Chúa đã dâng Mình trên cây thánh Giá sao ?

T. — Cũng thật là một lễ ; song khác hai sự nầy : vì xưa, thì Chúa dâng mình Người ; mà nay, thì bởi tay các hàng đạc đức ; lại xưa Máu Người đổ ra, mà bây giờ, chẳng còn đổ ra nữa.

119 — H. — Trong Hội thánh có ý gì mà dâng lễ Mi-sa ?

T. — Có bốn ý nầy : một là nhìn biết Đ. C. T. là Chúa cao trọng trên hết mọi sự ; hai là cho đặng tha hết mọi tội lỗi ta ; ba là xin cho ta đặng mọi sự lành ; bốn là tạ ơn Người vì mọi ơn lành đã xuống cho ta xưa nay.

120 — H. — Có nên dâng lễ Mi-sa mà tế lễ Đức Bà cùng các thánh chăng ?

T. — Chẳng nên, vì sự tế lễ, là thuộc về một Đ. C. T. mà thôi.

121 — H. — Những ai đặng hưởng công ơn bởi lễ Mi-sa mà ra ?

T. — Kẻ sống và kẻ chết đều đặng hưởng nhờ.

Cáo giải đệ thất thiên

122 — Hỏi. — Phép Giải tội là đi gì ?

T. — Là phép tha tội cho những kẻ đã phạm, từ khi rửa tội về sau.

123 — H. — Phép giải tội có phải là sự cần cấp cho đặng rỗi linh hồn chăng ?

T. — Là sự rất cần cấp cho những kẻ đã phạm tội trọng, từ rửa tội về sau.

124 — H. — Phép Giải tội có mấy phần ?

T. — Có ba phần : một là ăn năn tội ; hai là xưng tội ; ba là ý muốn đền tội.

125 — H. — Ăn năn tội là đi gì ?

T. — Là lo buồn đau đớn về mọi tội đã phạm và dốc lòng chừa, chẳng hề phạm tội ấy nữa.

126 — H. — Ăn năn tội có mấy cách ?

T. — Có hai cách : một là ăn năn tội vì Chúa : hai là ăn năn tội vì mình.

127 — H. — Ăn năn tội vì Chúa, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là đau đớn về mọi tội lỗi đã mất lòng Chúa rất nhơn từ, và tốt lành vô cùng.

128 — H. — Ai ăn năn tội vì Chúa, có đặng ích gì chăng ?

T. — Những kẻ ấy dầu chưa đặng xưng tội, miễn là có lòng muốn xưng tội, thì đã khỏi tội, mà lại đặng nghĩa cùng Chúa.

129 — H. — Ăn năn tội vì mình là làm sao ?

T. — Là lo buồn đau đớn bởi xấu

hồ vì tội, cùng e mất nước thiên đàng, hay là sợ hình khổ hoả ngục vô cùng.

130 — H. — Ai ăn năn tội cách nầy có đặng nghĩa cùng Chúa chăng ?

T. — Chẳng ; ví bằng có chịu phép Giải tội, thì mới đặng.

131 — H. — Ăn năn tội nên có mấy ý ?

T. — Có bốn ý : một là cậy sức Chúa giục lòng mà ăn năn tội ; hai là đau đớn trong lòng vì đã phạm tội, chẳng phải lo buồn bề ngoài mà thôi ; ba lấy giận ghét mọi tội mình chẳng sót tội nào ; bốn là đau đớn tội mình hơn lo tiếc mọi sự thế gian.

132 — H. — Ăn năn tội cậy sức Chúa là làm sao ?

T. — Là khi bởi ơn Đ. C. T. Thần giục lòng mà ta ăn năn tội.

133 — H. — Kẻ ăn năn tội bởi mắc phải tai vạ gì, như mất của cải hay là

liệt lào mà lo buồn đau đớn, có phải là cậy sức Chúa chăng ?

T. — Chẳng phải ; vì ăn năn thể ấy là theo tính xác thịt mà thôi.

134 — H. — Ăn năn vì mọi tội là gì ?

T. — Là đau đớn về mọi tội lỗi ; nếu mà có một tội nào mà chẳng lo buồn đến, thì chẳng gọi là ăn năn nên.

135 — H. — Đau đớn tội mình hơn lo tiếc mọi sự, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là ăn năn đau đớn, vì đã làm mất lòng Chúa, hơn là mắc phải tai nạn, hay là đã mất mọi giống châu báu ta yêu chuộng ở đời nầy.

136 — H. — Có mấy thể giục lòng ta ăn năn tội ?

T. — Có hai : một là nài xin cùng Chúa cho ta đặng lòng đau đớn thật ; hai là phải tìm một hai cách gì cho đặng giục lòng ta.

137 — H. — Những cách thế nào ?

T. — Như thể là suy tưởng Chúa rất nhơn từ, hằng xuống ơn cho ta không ngằn, mà ta phụ nghĩa cùng Người dường ấy ; hay là tưởng công nghiệp Đ. C. G. bởi tội ta, nên Người đã đổ hết máu mình ra, cùng là suy gẫm : bởi tội thì đã đáng sa hoả ngục mà chịu hình khổ đời đời, lại mất sự vui vẻ thiên đàng chẳng cùng.

138 — H. — Có dấu nào cho ta đặng biết thật ta đã ăn năn tội nên chăng ?

T. — Có hai dấu nầy : một là khi thấy ta đã chừa, và có lòng ghét bỏ tội thật ; hai là xa lánh mọi cách thế quen làm cho ta phạm tội.

139 — H. — Phải đọc kinh ăn năn tội thể nào ?

T. — Lạy Chúa tôi, Chúa là đấng trọn tốt trọn lành vô cùng, Chúa đã dựng nên tôi và cho con Chúa ra đời chịu nạn chịu chết vì tôi, mà tôi đã cả

lòng phản nghịch lỗi nghĩa cùng Chúa, thì tôi lo buồn đau đớn cùng chê ghét mọi tội tôi trên hết mọi sự ; tôi dốc lòng chừa cải, và nhờ ơn Chúa, thì tôi sẽ lánh xa dịp tội, cùng làm việc đền tội cho xứng. Amen.

Cáo minh bổ thục đệ bát thiên.

140 — H. — Xưng tội làm sao ?

T. — Là tỏ mọi tội lỗi ta cùng hàng linh mục.

141 — H. — Đương khi xưng tội phải có lòng thể nào ?

T. — Phải có lòng khiêm nhượng, thật thà, mà tỏ cáo mọi tội lỗi mình.

142 — H. — Khiêm nhượng là làm sao ?

T. — Là khi tỏ tội mình, thì có lòng xấu hổ thẹn thuồng, vì đã là mất lòng Chúa.

143 — H. — Lòng thật thà là làm sao ?

T. — Là khi xét biết tội thể nào, thì xưng ngay thể ấy, chẳng nên thêm bớt.

144 — H. — Xưng mọi tội nghĩa là gì ?

T. — Nghĩa là phải xưng mọi tội trọng chẳng giấu tội nào.

145 — H. — Kẻ có ý giấu một tội trọng mà thôi có phạm tội chăng ?

T. — Phạm tội rất trọng vì phạm sự thánh. Nên sau khi xưng tội, trước phải xưng tội phạm sự thánh nầy, sau phải xưng lại mọi tội đã xưng phen ấy.

146 — H. — Ta xưng trổng mọi tội mà thôi, có đủ chăng ?

T. — Chẳng đủ ; giả như tội ăn trộm, mà xưng trổng rằng : tôi đã ăn trộm, thì chưa đủ ; song phải xưng ăn trộm đã mấy lần, mà vật ấy là bao

nhiêu, hay là của thánh ; dầu các tội khác cũng vậy.

147 — H. — Làm cách nào cho đặng biết mọi tội lỗi mà xưng ?

T. — Phải xét theo đấng bậc mình : hoặc lo, nói, làm đều gì phạm điều răn Chúa cùng Hội thánh và bảy mối tội đầu.

148 — H. — Ta phải xưng mọi tội nhẹ chăng ?

T. — Bằng chẳng xưng, thì chẳng phạm tội gì ; song mà xưng, cùng có lòng đau đớn, thì rất nên có ích.

149 — H. — Đền tội là làm sao ?

T. — Là làm những sự thầy giải tội dạy, cùng những việc theo ý ta mà đền tội, như thể ăn chay, cầu nguyện, hay là thí của cho kẻ khó khăn, cùng việc khác như vậy.

150 — H. — Chịu những sự tai nạn nhọc nhằn, như cơn buồn rầu,

bịnh hoạn, cùng đều khác như vậy, có đặng đền vì tội ta chăng ?

T. — Ví bằng có ý chịu vì lòng kính mến Chúa, hay là đền vì tội, thì cũng đặng.

151 — H. — Bằng đã làm mất lòng ai, có phải phạt tạ kẻ ấy chăng ?

T. — Chẳng những là phạt tạ mà thôi ; song nhà ấy có chịu thiệt hại đều gì, dầu của dầu công, cũng phải thường lại nữa.

152 — H. — Kẻ đã xưng tội nên, cùng đã chịu phép Giải tội, thì đã khỏi tội, mà còn phải đền tội làm chi ?

T. — Đã hay rằng : kẻ chịu phép ấy nên, thì đã khỏi tội, cùng hình phạt đời đời, song còn hình phạt tạm nữa, nên phải đền mới khỏi. Ví như trọng quấc pháp, ai đã mắc tội tử luận, dầu triều đình tha giết mặc lòng, song cũng phải đái tội lập công.

153 — H. — Phần phạt tạm phải đền ở đâu ?

T. — Phải đền ở đời nầy, hay là trọng lửa luyện ngục.

154 — H. — Còn có cách nào cho khỏi phần phạt tạm ấy chăng ?

T. — Có phép đại xá cùng ân xá.

155 — H. — Đại xá là gì ?

T. — Là phép tha hết mọi phần phạt tạm.

156 — H. — Ân xá là gì ?

T. — Là phép tha một hai phần mà thôi.

157 — H. — Ai có quờn ban phép đại xá cùng ân xá ?

T. — Có một Hội thánh mà thôi.

158 — H. — Ta phải làm thể nào mà chịu ơn ấy cho nên ?

T. — Phải thật lòng ăn năn tội, cùng làm mọi việc như thể thức truyền.

Chung phú, thần phẩm, hôn phối đệ cửu thiên

159 — H. — Phép Xức dầu thánh cho kẻ gần chết là đi gì ?

T. — Là phép giúp đỡ kẻ liệt về phần linh hồn, cũng có khi về phần xác nữa.

160 — H. — Kẻ chịu phép nầy đặng những ích gì ?

T. — Đặng ba đều ích nầy : Một là đặng vững vàng chẳng sợ chết, cùng chước ma quỉ ; hai là khỏi mọi tội nhẹ và tội trọng, hoặc là đã quên, hay là bởi cơn bịnh mà xưng chẳng đặng ; ba là khi có ích phần linh hồn, thì cũng đặng khoẻ mạnh phần xác nữa.

161 — H. — Có nên chờ khi hấp hối mà chịu phép nầy chăng ?

T. — Chẳng nên ; song khi thế ngặt, thì phải tinh việc ấy.

162 — H. — Phép Truyền chức thánh là phép nào ?

T. — Là phép phong chức cho các hàng linh mục đặng quờn tế lễ Đức Chúa Trời, và giúp việc Hội thánh, lại đặng ơn Chúa, mà làm những việc ấy cho nên.

163 — H. — Phép Hôn phối là đi gì ?

T. — Là phép nhứt phu nhứt phụ, phối hiệp cùng nhau, theo ý Chúa định, mà truyền nhơn loài, cùng giúp đỡ nhau làm việc lành mà giữ đạo Đ. C. T., cho đặng nên thánh.

164 — H. — Có nên cưới nhiều vợ chăng ?

T. — Chẳng nên ; vì thuở tạo thiên lập địa, Đ. C. T. đã sinh một nam một nữ, để phối hiệp cùng nhau, mà sinh loài người ta ; ấy là phép nhứt phu nhứt phụ, đâu khá tư tình, mà cải ý Chúa định.

165 — H. — Như đờn ông có vợ

mà không sinh con, có nên cưới vợ khác cho đặng con chăng ?

T. — Chẳng nên ; giả như chồng rằng : không con, mà cưới vợ khác, thì vợ cũng rằng : không con, mà lấy chồng khác, thì lẽ ấy làm sao ? Ví bằng vợ chẳng khá hai chồng, thì chồng cũng chẳng nên hai vợ.

166 — H. — Còn có lẽ nào nữa chăng ?

T. — Còn nhiều lẽ khác ; một là trong đạo phu phụ, thì phải giữ tín ngãi làm đầu, như chẳng toàn nhứt phụ nhứt phu, sao cho đặng trọn niềm tín nghĩa ? Hai là phu phụ hoà, thì gia đạo thành, bằng chồng rày vợ nọ mai vợ kia, sao cho đặng một lòng hoà thuận ? Ba là cưới vợ mà sinh con cái, thật là đồng khí liên chi, bằng cưới nhiều vợ, hoặc là phân dòng nọ dòng kia, sao cho đặng vẹn tình hiếu để ?

167 — H. — Kẻ không con mà

cứ nhứt phu nhứt phụ, ắt là tuyệt tự ; chớ câu : BẤT HIẾU HỮU TAM, VÔ HẬU VI ĐẠI, lẽ ấy làm sao ?

T. — Có con cùng không, vốn chẳng tại ta, một tại ý Chúa phân định mà thôi ; vã sự thảo cùng không, cũng chẳng tại có con, hay là không con, một tại giữ phụ mẫu đồng tâm đồng đức, phượng dưỡng cung kính, vâng chính mạng cha mẹ sở định, ấy là thật hiếu mà chớ. Như câu : VÔ HẬU VI ĐẠI, là lời Mạnh-tử nói chữa vua Thuấn cho khỏi chữ bất hiếu mà thôi ; chẳng nên lấy lời ấy mà nghịch mạng Đ. C. T. làm chi.

168 — H. — Ai muốn chịu phép Hôn phối cho nên, phải làm thể nào ?

T. — Trước hết phải có lòng thờ phượng Chúa, chẳng phải một tưởng việc phần xác mà thôi, lại phải giữ mình cho thanh sạch, đừng có tội gì trọng.

169 — H. — Có ý thờ phượng Chúa là làm sao ?

T. — Là phải giữ tín ngãi, và nhịn nhục nhau mọi khi lầm lỗi, và giúp đỡ nhau cho thượng hoà hạ mục, sau dầu có sinh con cái, thì phải năng dạy dỗ răn khuyên.

170 — H. — Phải dạy răn con cái là làm sao ?

T. — Một là phải tập tành nó mến yêu Chúa hết lòng, cùng chê ghét mọi đàng tội lỗi ; hai là phải ra công dạy dỗ cho thuộc biết những sự phải tin trong đạo thánh ; ba là giữ gìn xem sóc, kẻo nó làm sự gì chẳng nên chăng.

171 — H. — Kẻ có vợ chồng cùng kẻ đồng trinh ai hơn ?

T. — Kẻ đồng trinh hơn, vì kẻ không lo vợ chồng, một khí tục tinh tu, thì phước đức càng cao càng trọng, lại càng gần Chúa hơn nữa.

Thập giái đệ thập thiên.

172 — Hỏi. — Phải làm đi gì cho đặng rỗi linh hồn ?

T. — Phải giữ mười Giái răn Đ. C. T. cùng sáu Điều răn Hội thánh.

173 — H. — Mười giái là những đều nào ?

T. — Thứ nhứt, là thờ phượng một Đ. C. T., và kính mến Người trên hết mọi sự.

Thứ hai, chớ kêu tên Đ. C. T. vô cớ.

Thứ ba, giữ ngày Chúa nhựt.

Thứ bốn, thảo kinh cha mẹ.

Thứ năm, chớ giết người.

Thứ sáu, chớ làm sự dâm dục.

Thứ bảy, chớ lấy của người.

Thứ tám, chớ làm chứng dối.

Thứ chín, chớ muốn vợ chồng người.

Thứ mười, chớ tham của người.

Trước mười sự răn tóm về hai nầy mà chớ : trước kinh mến một Đ.

C. T. trên hết mọi sự, sau lại yêu người như mình ta vậy.

Giái thứ nhứt

174 — H. — Giái thứ nhứt dạy những sự gì ?

T. — Dạy thờ phượng một Đức Chúa Trời, và tin, cậy, kính mến Người trên hết mọi sự.

175 — H. — Nên thờ các thánh bằng Chúa chăng ?

T. — Chẳng nên, vì ta thờ các thánh là tôi ngay con thảo Chúa mà thôi.

176 — H. — Vậy, thì sao hằng cầu nguyện cùng các thánh ?

T. — Cho các thánh cầu thay nguyện giúp cùng Chúa cho ta đặng mọi sự lành.

177 — H. — Những đều nào nghịch cùng sự kính chuộng Đ. C. T. ?

T. — Có ba đều nầy : một là thờ phượng ma quỉ bụt thần ; hai là khinh dể của thánh ; ba là tin cậy dị đoan.

178 — H. — Dị đoan là đi gì ?

T. — Là những sự đơm tế, quải lạy ông bà cha mẹ : tin bói khoa, nham độn, cậy phù thủy pháp môn, xem tướng mạo ; chọn ngày giờ ; kỵ yên chạp miễu ; lên đồng xuống đồng ; thờ tiên sư ; thổ công thổ chủ ; đặt bài vị, lên nêu, buộc trang, cầu địa lý ; đốt giấy tiền vàng bạc ; khi chiêm bao mộng huyễn, gặp đờn ông đờn bà bàn luận tốt xấu ; cùng là tin chim kêu gà gáy, chuột túc nhện sa, rằng thiêng, rằng thính, và mọi đều khác như vậy.

179 — H. — Có mấy cách nghịch cùng đức tin ?

T. — Có bốn cách nầy : một là cứng lòng chẳng tin mọi sự như Hội thánh đã truyền, như kẻ ngoại cùng quân lạc đạo ; hai là kẻ có đạo bỡi sợ phép

quan, cùng hình phạt, hay là hổ thẹn mà chối đạo, tùy thì theo thói thế gian ; ba là kẻ cố ý hồ nghi sự gì trong phép đạo ; bốn là làm biếng chẳng muốn học những sự phải biết cho đặng rỗi linh hồn.

180 — H. — Những sự phải biết cho đặng rỗi linh hồn, là những sự nào ?

T. — Một là phải biết sự mầu nhiệm một Đ. C. T. ba ngôi, cùng Chúa Cứu thế ra đời và chuộc tội cho thiên hạ ; hai là đến ngày tận thế, cả và loài người ta đều thì sống lại mà chịu thưởng hay là chịu phạt đời đời ; ba là phải biết kinh Tin, kinh Cậy, kinh Kính mến, kinh Lạy Cha, mười Giái răn Đ. C. T., cùng sáu Điều Hội thánh, và những điều thuộc về Bí tích, cùng những việc theo đấng bậc mình.

181 — H. — Có sự gì nghịch cùng đức Cậy chăng ?

T. — Có hai sự nầy ; một là ngã lòng rủn chí, chẳng làm việc đền tội ; hai là cậy lòng lành Chúa, cùng sức mình thới quá, nên lần lữa chẳng kíp toan trở lại.

182 — H. — Có sự gì nghịch cùng đức Kính mến chăng ?

T. — Những việc chồm ố công danh lợi lộc, cùng là dâm dục sa đà.

183 — H. — Ta phải yêu người ta chăng ?

T — Phải yêu hết mọi người ; vì Đ. C. G. đã dạy : trước kính chuộng một Đ. C. T. trên hết mọi sự, sau lại yêu người như mình vậy ?

184 — H. — Có phải yêu kẻ nghịch cùng ta chăng :

T. — Phải yêu ; vì Đ. C. G. đã dạy rằng : bay phải yêu kẻ ghét bay, và làm ơn cho kẻ làm khốn bay.

Giái thứ hai

185 — H. — Giái thứ hai cấm những sự gì ?

T. — Cấm ba sự nầy : một là thề quấy ; hai là nói lộng ngôn ; ba là rủa mình, hay là kẻ khác.

186 — H. — Thề quấy là làm sao ?

T. — Là thề dối, thề vặt, cùng thề mà làm sự chẳng nên.

187 — H. — Kẻ đã thề mà làm sự chẳng nên, có phải giữ lời thề chăng?

T. — Chẳng, vì kẻ thề làm vậy, thì đã phạm tội, bằng giữ lời thề thì lại phạm tội khác nữa.

183 — H. — Có khi nào nên thề chăng ?

T. — Khi có việc gì trọng, mà kẻ bề trên bắt thề ; thì nên lấy tên Đ. C. T. mà thề.

189 — H. — Có nên lấy tên bụt thần ma quỉ mà thề chăng ?

T. — Chẳng nên.

Giái thứ ba

190 — H. — Giái thứ ba dạy những đều gì?

T. — Dạy ta phải giữ mọi ngày Chúa nhựt.

191 -- H. — Giữ ngày Chúa nhựt là làm sao ?

T. — Là những ngày ấy phải có ý mà xem lễ, và làm việc phước đức.

192 — H. — Ngày Chúa nhựt có nên làm việc xác chăng ?

T. — Chẳng có điều gì cần cấp, thì chẳng nên.

193 — H. — Khi chẳng cần cấp, có nên sai khiến tôi tớ làm việc xác trong ngày ấy chăng ?

T. — Chẳng nên.

Giái thứ bốn

194 — H. — Giái thứ bốn dạy những sự gì ?

T. — Dạy thảo kính, vâng lời chịu lụy, cùng giúp đỡ cha mẹ.

195 — H. — Thảo kính cha mẹ phải làm thể nào ?

T. — Trước là cầu xin cho người đặng sống lâu sức khoẻ, sau là ở cho hoà nhã khiêm nhượng, chẳng nên ngỗ nghịch dể duôi, chớ khá làm cho người rầu rĩ ; hễ tử vị phụ ẩn, chẳng nên đàm tiếu sự lỗi gì người.

196 — H. — Vâng lời chịu lụy là làm sao ?

T. — Là cha mẹ dạy khuyên sai khiến, chẳng nên trách móc phàn nàn, chớ khá bỏ nhà cha mẹ mà đi ác nghiệp chơi bời, cùng khi phối thất nhơn dươn, phải vâng thuận tình người phân định ; lại dầu khi cố mạng, người có trối phú đều gì, thì khá vui lòng noi giữ.

197 — H. — Giúp đỡ cha mẹ là làm sao ?

T. — Là cha mẹ khó khăn già cả, phải dưỡng nuôi sớm viếng tối thăm, chẳng nên kể công nọ ngãi kia, vì đã dày ngày chịu khó ; còn của người chẳng nên xới bới ; khi liệt lào phải chạy thuốc thang ; thuở mạng một trợ phần tống táng, cùng cầu hồn gởi lễ cho người.

198 — H. — Nên quải lạy đơm tế ông bà cha mẹ đã qua đời chăng ?

T. — Chẳng nên, vì là nghịch cùng phép đạo, lại thêm trái thửa lễ hằng.

199 — H. — Vì sao nghịch cùng phép đạo ?

T. — Vì đạo thánh dạy : kẻ chết chẳng hay ăn uống, cũng chẳng đặng xuống ơn phù hộ cho ai, mà lại ước ao cho kẻ còn sống giúp lời cầu nguyện, xin Chúa tha tội lỗi cho mình.

200 — H. — Sao mà gọi rằng : trái lễ ?

T. — Vì của phải dùng mà chẳng

muốn cho, mà cho những vật dùng chẳng đặng ? như thấy ai chới với dưới sông, mà ta chẳng ra tay cứu vớt, một đem của ăn cho nó mà thôi, có phải lẽ cùng chăng, thì mọi người đều biết.

201 — H. — Giái nầy dạy phải thảo kính cha me mà thôi sao ?

T. — Cũng dạy kính thờ mọi kẻ bề trên nữa, như vua chúa quan quyền, chủ nhà, cùng thầy dạy dỗ và những kẻ già nua tuổi tác.

202 — H. — Đấng bề trên dạy làm đều gì nghịch cùng đạo thánh, có nên làm chăng ?

T. — Chẳng nên, vì phải kính chuộng một Đ. C. T. trên hết mọi sự.

203 — H. — Cha mẹ hay là chủ nhà phải làm những điều gì cho con cái tôi tớ ?

T. — Phải làm bốn sự nầy : một

là dạy dỗ ; hai là sửa phạt ; ba là làm gương tốt ; bốn là dưỡng nuôi.

Giải thứ năm

204 — H. — Giái thứ năm cấm những điều gì ?

T. — Cấm lấy ý riêng mà giết mình, hay là kẻ khác.

205 — H. — Giái nầy cấm bấy nhiêu mà thôi sao ?

T. — Cũng cấm ghen ghét, bỏ vạ, cáo gian, khinh dể, hờn giận, báo thù, nhiếc nhóc, trù ẻo, cùng muốn hay là làm đều gì thiệt hại người ta.

206 — H. — Còn cấm đều gì nữa chăng ?

T. — Còn cấm làm gương xấu cho kẻ khác theo đòi, hay là xui giục làm thiệt hại người ta.

207 — H. — Kẻ đã phao vu, hay là chưởi rủa, làm nhơ danh xấu tiếng người ta phải làm thể nào ?

T. — Phải phạt tạ, cùng trả tiếng tốt cho người ta ; lại bằng có tiện, thì phải xưng ngay ra rằng : mình đã vu oan dối trá.

GIÁI THỨ SÁU, CÙNG THỨ CHÍN

208 — H. — Hai giái nầy cấm những sự gì ?

T. — Cấm tưởng, nói cùng làm đều gì dâm dục.

209 — H. — Tưởng mà phạm tội, là làm sao ?

T. — Là khi có ý tưởng nhớ, cùng ước ao đều gì dơ dáy.

210 — H. — Nói mà phạm tội, là đi gì ?

T. — Là khi có ý muốn nói, hay là nghe lời gì tục tĩu, cùng ám hiểu ý tà.

211 — H. — Làm mà phạm tội, là thể nào ?

T. — Là khi có ý trái mà nhìn

xem, cùng đá đến những chỗ dơ dáy mình, hay là kẻ khác.

212 — H. — Khi lâm phải cám dỗ về đều nầy, phải làm thể nào ?

T. — Tức thì phải bỏ đi, mà cầu xin cùng Chúa phù hộ, lại trốn lánh những cách thế làm cho ta phạm tội.

213 — H. — Những cách thế nào quen làm cho ta phạm tội ấy ?

T. — Có bảy cách nầy : ở không nhưng là một ; kết bạn cùng đoàn trắc nết là hai ; coi sách hoa tình là ba ; đến áng bội bè là bốn ; xem ảnh hình tố nữ là năm ; trai gái năng lân lứa là sáu ; ăn uống sa đà là bảy.

214 — H. — Có cách nào dự phòng cho khỏi tội nầy chăng ?

T. — Có : một là phải giữ ngũ quan mình cho nhặt, nhứt là khi nói khi xem ; hai là năng xưng tội chịu lễ ; ba là thú nào theo thú ấy, phải làm việc luôn.

Giải thứ bảy, cùng thứ mười

215 — H. — Hai giái nầy cấm những đều gì ?

T. — Chẳng những là cấm trộm cướp mà thôi, song lại cấm tham lam mơ ước nữa.

216 — H. — Phạm giái nầy có mấy cách ?

T. — Có ba : một là chẳng theo lẽ công mà lấy ; hai là tài chủ chẳng muốn cho mà hãm cầm lấy ; ba là mọi cách khác làm nát hại của người.

217 — H. — Chẳng theo lẽ công mà lấy, nghĩa là làm sao ?

T. — Là trộm cướp như quân gian đảng ; ăn cắp như đoàn tôi tớ ; gạt gẫm như con buôn bán ; cho vay ăn lời như loài hà tiện : hay là dùng mưu kế như đứa gian cáo.

218 — H. — Có mấy cách hãm cầm của người ?

T. — Có bốn : một là chẳng thường của người ; hai là chẳng trả nợ ; ba là chẳng huờn công : bốn là chẳng nộp thuế.

219 — H. — Làm hư nát của người có mấy cách ?

T. — Cũng có bốn ; phá cho tan nát là một ; toan luận mà làm hư là hai; ra sức giúp phá là ba ; kẻ có quờn phép, cùng là việc mình phải giữ, mà chẳng đón ngăn là bốn.

220 — H. — Kẻ chẳng theo lẽ chính lấy cầm của gì ai đã trả của ấy lại mà thôi, có đủ chăng ?

T. — Chẳng đủ ; phải trả những phần thiệt hại nhà ấy đã chịu nữa. Giả như ai đã lấy đồ thợ nào, mà trả đồ ầy lại mà thôi thì chưa đủ : song phải tính bao lâu nhà ấy đã mất đồ làm nghề chẳng đặng, thì phải hoàn công bấy nhiêu ngày nữa.

221 — H. — Kẻ mắc của người mà trả chẳng đặng, thì làm sao ?

T. — Bằng trả nổi thì phải trả tức thì ; bằng chẳng, thì ít nữa là có lòng muốn trả ; bằng chẳng như vậy thì không đặng rồi linh hồn, cũng chẳng đặng chịu phép Giải tội nữa.

222 — H. — Phải trả cho ai ?

T. — Đã lấy của ai thì phải trả cho nấy ; bằng đã lâm chung mạng một, thì phải trả cho con cháu nhà ấy.

223 — H. — Bao giờ phải trả ?

T. — Phải trả tức thì.

Giái thứ tám

224 — H. — Giái nầy cấm những đều gì ?

T. — Cấm ba sự nầy : một là nói dối ; hai là làm chứng dối ; ba là vô tích cớ mà nghi sự trái cho người ta.

225 — H. — Nói dối là làm sao ?

T. — Là khi nói dối có ý phỉnh phờ người ta ; bằng không có ý phỉnh phờ, tuy là nói có khi chẳng thật, cũng chẳng gọi là nói dối.

226 — H. — Có khi nào ta nên nói dối chăng ?

T. — Chẳng nên.

227 — H. — Kẻ đã làm chứng dối, thì phải làm thể nào ?

T. — Phải xưng ngay ra rằng : mình đã chứng sự chẳng thật ; cùng phải thường những đều thiệt hại người ta đã chịu vì mình ?

228 — H. — Còn cách nào khác phạm giái nầy nữa chăng ?

T. — Còn : một là ton lót kẻ làm chứng cho đặng nói dối, hay là làm thinh đi ; hai là giả bằng giả thị, làm tờ giả, đánh con dấu giả ; ba là yểm cầm đơn trạng kẻ ngay, chẳng cho thấu đến lịnh trên, hầu chữa mình cho khỏi nạn.

Hội thánh điều luật đệ thập nhứt thiên.

229 — H. — Hội thánh nghĩa là đi gì ?

T. — Nghĩa là các bổn đạo ở khắp thế gian, vâng lời chịu lụy Đức thánh Pha-pha, là đại phụ thánh Hội công.

230 — H. — Hội thánh có mấy điều luật ?

T. — Có sáu.

Thứ nhứt, xem lễ ngày Chúa nhựt cùng các ngày lễ buộc.

Thứ hai, chớ làm việc xác ngày Chúa nhựt cùng các ngày lễ buộc.

Thứ ba, xưng tội trong một năm ít là một lần.

Thứ bốn, chịu Minh thánh Đ. C. G. trong mùa Phục sinh.

Thứ năm, giữ chay những ngày Hội thánh buộc.

Thứ sáu, kiêng thịt ngày thứ sáu cùng những ngày khác Hội thánh dạy.

231 — H. — Kẻ chẳng giữ lề luật Hội thánh có phạm tội chăng ?

T. — Kẻ giữ đặng, mà cố ý chẳng giữ, thì phạm tội trọng.

232 — H. — Ta có giữ đặng bấy nhiêu điều răn ấy trọn chăng.

T. — Nếu không ơn Chúa giúp, thì chẳng đặng.

233 — H. — Phải làm đi gì cho đặng ơn Chúa ?

T. — Phải năng đọc kinh cầu nguyện.

Thiên Chúa kinh giải đệ thập nhị thiên.

234 — H. — Trong các kinh, kinh nào trọng hơn ?

T. — Kinh Lạy Cha.

Lạy Cha chúng tôi ở trên trời,

chúng tôi nguyện danh cha cả sáng, nước Cha trị đến, vâng ý Cha dưới đất bằng trên tr ời vậ·

Xin Cha cho chúng tôi rày hằng ngày dùng đủ, và tha nợ chúng tôi, như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi, lại chớ để chúng tôi sa chước cám dỗ, bèn chữa chúng tôi cho khỏi sự dữ. Amen.

235 — H. — Ai đặt kinh Lạy Cha ?

T. — Là lời Đ. C. G. phán dạy mười hai thánh tông đồ mà truyền cho các người giáo hữu.

236 — H. — Kinh ấy dạy xin những sự đi gì ?

T. — Dạy xin cùng Đ. C. T. mọi đều thiết yếu phần linh hồn và phần xác, nên hôm mai phải đọc.

237 — H. — *Lạy Cha chúng tôi ở trên trời*, nghĩa là làm sao ?

T. — Là lạy Đ. C. T., là Cha chúng tôi ở trên trời.

238 — H. — Ta là vật hèn tội lỗi, sao dám gọi Đ. C. T. là Cha ?

T. — Vì Đ. C. T. dạy ta xưng Người là Cha ; lại Người thương ta hơn cha mẹ thương con, nên mới dám xưng Người là Cha.

239 — H. — Làm sao mà biết Đ. C. T. thương ta hơn cha mẹ thương con ?

T. — Vì Người sinh trời đất muôn vật, che chở dưỡng nuôi ta linh hồn và xác, lại ra đời chuộc tội chịu chết cho ta, cùng xuống nhiều ơn trọng, cho ngày sau đặng hưởng phước đời đời.

240 — H. — Ta phải làm đi gì cho đáng làm con Đ. C. T. ?

T. — Phải vâng lời Người truyền dạy, mà giữ mười giái răn cho trọn, chớ nghe lời ma quỉ, mà nghịch mạng Người.

241 — H. — Đ. C. T. ở khắp mọi nơi, mà rằng : ở trên trời, làm sao ?

T. — Đã hay rằng vậy, song Người muốn cho ta hằng trông phước trên trời, chớ mê tội lỗi thế gian, cho nên rằng : ở trên trời.

242 — H. — Trong kinh ấy có mấy lời nguyện ?

T. — Có bảy : mà ba đều trước, về lòng kính Chúa ; còn bốn đều sau thì xin về phần ta.

243 — H. — Lời thứ nhứt : *Chúng tôi nguyện danh Cha cả sáng*, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là ta là con Đ. C. T. thì phai kính Chúa trên hết mọi sự, nên chẳng cầu giàu sang vui sướng thế gian, một trông cho thiên hạ ngợi khen danh Chúa mà thôi.

244 — H. — Kẻ phạm tội, thật là phá danh Chúa, sao còn dám đọc rằng : nguyện danh Cha cả sáng ?

T. — Những kẻ ấy, mà chẳng dốc lòng chừa tội, thì ngôn hành tương phản càng tỏ mình cố ý phạm tội.

245 — H. — Lời thứ hai : *Nước Cha trị đến*, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là cầu xin cho các nước thế gian đều nhìn biết một Đ. C. T. là đấng chí tôn vô đối, mà vâng theo lịnh Người ; lại xin cho đặng tới nước thiên đàng, hưởng phước đời đời.

246 — H. — Lời thứ ba : *Vâng ý Cha dưới đất bằng trên trời vậy*, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là thiên thần cùng các thánh trên trời hằng vâng theo ý Chúa thể nào, thì ta cũng xin vâng theo như làm vậy.

247 — H. — Ý Chúa muốn cho ta làm những sự gì ?

T. — Ý Người muốn cho ta làm mọi sự lành, lánh mọi sự dữ.

248 — H. — Lời thứ bốn : *Xin Cha*

cho chúng tôi rày hằng ngày dùng đủ, nghĩa là làm sao ?

T. — Hễ con khi thiếu lương thực, thì xin cùng cha mẹ, mà ta là con Đ. C. T., nên phải xin lương thực hằng ngày dùng đủ cho phần linh hồn và phần xác.

249 — H. — Lương thực phần xác là đi gì ?

T. — Là cơm áo, cùng mọi vật thường dùng.

250 — H. — Có nên cầu giàu sang thế gian chăng ?

T. — Cầu sự ấy cho đặng kính Chúa yêu người, thì nên ; bằng cầu ý khác mà phạm tội, hại phần linh hồn, thì chẳng nên.

251 — H. — Lương thực linh hồn là đi gì ?

T. — Là ơn Đức Chúa Trời, cùng Mình thánh Đức Chúa Giêsu.

252 — H. — Ơn Đức Chúa Trời

cùng Mình thánh Đức Chúa Giêsu, sao gọi rằng lương thực linh hồn?

T. — Ví như phần xác chẳng có ăn uống, thì phải chết : mà linh hồn, nếu không ơn Chúa, cùng Mình thánh Đ. C. G. ắt là chẳng hay làm lành, cũng như chết vậy ; nên gọi rằng : lương thực linh hồn.

253 — H. — Xin Cha cho chúng tôi rày, nghĩa là làm sao ?

T. — Là phải hằng ngày hằng xin, chẳng nên trễ nải, bữa có bữa không.

254 — H. — Lời thứ năm : *Và tha nợ chúng tôi như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi*, nghĩa là làm sao ?

T. — Là xin Đ. C. T. tha tội cho ta như ta tha kẻ có lỗi cùng ta.

255 — H. — Ai đã làm mất lòng ta, mà ta chẳng tha lỗi người ấy, Đ. C. T. có tha tội ta chăng ?

T. — Đ. C. T. chẳng tha.

256 — H. — Sao gọi tội là nợ ?

T. — Hễ ai đã làm hư của ta, thì phải thường lại cho ta, bằng chẳng thường, ắt là người ấy còn mắc nợ ta, mà ta lôi nghĩa cùng Chúa, ấy là ta phá ơn Chúa, thì phai ăn năn lập công đền tội, bằng chang đền, cũng mắc nợ Chúa như vậy : cho nên gọi tội là nợ.

257 — H. — Lời thứ sáu : *Lại chớ để chúng tôi sa chước cám dô*, nghĩa là làm sao ?

T. — Tà ma, thịt mình, thế tục, là ba thù rất dữ, hằng cám dỗ ta nhiều đàng khéo léo, hoặc dùng phú quí công danh, hoặc dùng bói khoa thuật số, hoặc doi lời lành dữ, hoặc giả kinh, gia tượng, đơm tế thờ nó, vọng cầu thè phước, mặc nhơn theo thửa ta muốn ; nên xin Chúa chớ để nó cám dô ta, bằng có để nó, thì xin Người xuống ơn phù hộ cho ta đặng bền lòng chống trả, kẻo mà lỗi nghĩa cùng Chúa.

258 — H. — Lời thứ bảy : *Bèn chữa chúng tôi cho khỏi sự dữ*, nghĩa là làm sao ?

T. — Là xin khỏi mọi sự hoạn nạn linh hồn và xác.

259 — H. — Hoạn nạn linh hồn là đi gì ?

T. — Là nghe theo ma quỉ, bỏ Chúa mà đi đàng tội lỗi, ngày sau phải khốn đời đời.

260 — H. — Hoạn nạn phần xác là đi gì ?

T. — Là đói khát, gươm dao, tật nguyền tai nạn, cùng những sự khác hại phần xác thịt. Vậy giáo hữu phải cầu xin cho khỏi bấy nhiêu sự ấy, chẳng nữa, thì xin Chúa xuống ơn thần lực mà chịu cho bằng lòng.

261 — H. — *Amen*, nghĩa là làm sao ?

T. — Là lời cặn kẽ, xin cho đặng bấy nhiêu lời cầu.

Thánh Mẫu kinh giải đệ thập tam thiên.

262 -- H. — Kinh nào Hội thánh quen dùng mà cầu cùng Đức Bà ?

T. — Kinh : Kính mầng Maria đầy ơn phước, Đức Chúa Trời ở cùng Bà, Bà có phước lạ hơn mọi người nữ, và Giêsu con lòng Bà gồm phước lạ.

Thánh Maria Đức Mẹ Chúa Trời, cầu cho chúng tôi là kẻ có tội, khi nầy và trong giờ lâm tử. Amen.

263 — H. — Ai đặt kinh Kính mầng ?

T. — Kinh ấy có ba mối : một là lời Thiên thần mầng thưa Đức Bà, khi truyền tin cho người chịu thai Con Đ. C. T. ; hai là lời bà thánh Y-sa-ve tiếp thấy Đức Bà mà ngợi khen người ; ba là lời Hội thánh cầu cùng Đức Bà, mà xin người phù hộ.

264 — H. — Mối thứ nhứt là những đều nào ?

T. — Là *Kính mầng Maria đây ơn phước Đ. C. T. ở cùng Bà.*

265 — H. — Kính mầng, nghĩa là làm sao?

T. — Là lời thiên thần Ga-bi-ri-e lạy mầng Đức Bà khi truyền tin cho người chịu thai.

266 — H. — Maria nghĩa là làm sao ?

T. — Là tên Đức Bà.

267 — H. — Đầy ơn phước, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là Đức Bà đặng ơn Đ. C. T. hơn các đấng Thiên thần cùng các người thánh thảy thảy.

268 — H. — Đức Chúa Trời ở cùng Bà, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là loài người ta đều mắc tội tổ tông, có một Đức Bà chẳng những là khỏi tội tổ tông, mà lại khỏi

tội mình làm, hằng đẹp lòng Chúa luôn, nên gọi rằng : Chúa Trời ở cùng Bà.

269 — H. — Mối thứ hai : *Bà có phước lạ hơn mọi người nữ*, nghĩa là làm sao ?

Đ. — Là lời bà thánh Y-sa-ve ngợi khen Đức Bà mà rằng : Trong mọi người nữ không có một ai khá ví cùng Đức Bà, vì Đ. C. T. đã chọn người làm mẹ.

270 — H. — *Và Giêsu con lòng Bà gồm phước lạ*, nghĩa là làm sao ?

T. — Cũng là lời bà thánh ấy tán tạ khong khen Chúa, vì đã giáng sinh trong lòng rất thánh Đức Bà.

271 — H. — Mối thứ ba : *Thánh*, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là Đức Bà đã đặng vẹn sạch các giống tội lỗi.

272 — H. — *Cầu cho chúng tôi là kẻ có tội, khi nầy*, nghĩa là làm sao ?

T. — Là khi ta còn sống ở thế gian, thì ma qui, thịt mình, thế tục không giờ khắc nào mà chẳng cám dỗ ta phạm tội mất lòng Đ. C. T ; cho nên xin Đức Bà cầu cùng Đ. C. T. xuống ơn cho ta đặng khỏi mọi đàng tội lỗi.

273 — H. — *Trong giờ lâm tử*, nghĩa là làm sao ?

T. — Là bởi khi ta gần chết, thì ma quỉ thấy đã hết giờ hại linh hồn ta, cho nên nó càng ra sức cám dỗ ta khi ấy. Vậy phải xin Mẹ rất khoan nhơn, đã cứu giúp ta khi sống, thì khi ấy lại càng cầu giữ ta hơn nữa.

Amen, nghĩa lý như tiền.

Nghĩa kinh Tin Kính.

274 — H. — Kinh nào dạy ta những sự phải tin ?

T. — Kinh :

Tôi tin kính Đức Chúa Trời, là Cha

phép tắc vô cùng dựng nên trời đất, Tôi tin kính Đức Chúa Giêsu Kirixitô là Con một Đức Chúa Cha cùng là Chúa chúng tôi : bởi phép Đức Chúa Thánh Thần mà Người xuống thai, sinh bởi bà Maria đồng trinh ; chịu nạn đời quan Phongxiô Philatô, chịu đóng đinh trên cây thánh Giá, chết và táng xác ; xuống ngục tổ tông, ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại ; lên trời, ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng ; ngày sau bởi trời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết.

Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần. Tôi tin có Hội thánh hằng có ở khắp thế nầy, các thánh thông công. Tôi tin phép tha tội. Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại ; tôi tin hằng sống vậy. Amen.

275 — H. — Ai đặt kinh Tin kính ?

T. — Các thánh Tông-đồ, trước

khi phân nhau mà đi khắp thế giảng đạo, đã đồng đặt kinh ấy, là mười hai điều, dạy các người giáo hữu cho đồng tín nhĩ hà nhứt thể.

276 — H. — Tin, là làm sao ?

T. — Là bởi ơn Chúa mà chịu lấy mọi lẽ trong đạo làm thật, vì Đ. C. T. đã phán những lẽ ấy, và Hội thánh truyền cho ta tin, dầu mắt xem không thấy, cũng chẳng dám hồ nghi, ấy gọi là tin, còn các đều trước đã giải tỏ.

277 — H. — Kinh Tin kính là thể nào ?

T. — Kinh Tin kính là kinh các thánh Tông-đồ đã truyền mà tóm lại mọi sự ta phải tin.

278 — H. — Trong kinh Tin kính có mấy điều ?

T. — Có mười hai điều.

Điều thứ nhứt

Tôi tin kính Đ. C. T. là Cha phép tắc vô cùng dựng nên trời đất.

279 — H. — Tôi tin kính Đ. C. T., nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là tôi tin vững vàng có một Đ. C. T. mà thôi, chẳng có lẽ nào mà có nhiều Đ. C. T. đâu.

280 — H. — Vì sao chẳng nói rằng : tôi tin có Đ. C. T., mà lại nói rằng : tôi tin kính ?

T. — Vì tin có một Đ. C. T., thì chưa đủ ; cho nên lại phải xưng rằng : tôi trông cậy, và kính mến Đ. C. T., cùng dâng mình làm tôi Đ. C. T. cho đến trọn đời.

281 — H. — Là Cha, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là một Đ. C. T. có ba ngôi, mà ngôi thứ nhứt là Cha.

282 — H. — Vì sao mà gọi ngôi thứ nhứt là Cha ?

T. — Vì trước vô cùng ngôi thứ nhứt sinh ra ngôi thứ hai là Con.

283 — H. — Phép tắc vô cùng, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là chẳng có sự gì mà Đ. C. T. làm chẳng đặng.

284 — H. — Đ. C. Con, và Đ. C. T. Thần có phép tắc vô cùng bằng Đ. C. Cha chăng ?

T. — Đ. C. Con, và Đ. C. T. Thần cũng có phép tắc vô cùng bằng Đ. C. Cha : vì ba ngôi cũng một Đ. C. T. mà thôi.

285 — H. — Dựng nên trời đất, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là bởi không mà dựng nên mọi sự cho có.

Điều thứ hai

Tôi tin kính Đức Chúa Giêsu Kirixitô là Con một Đức Chúa Cha, cùng là Chúa chúng tôi.

286 — H. — Đ. C. G., nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là đấng Cứu thế ; mà Đ. C. Cha đã đặt danh cực trọng ấy cho Đ. C. Con, vì chưng Con Đ. C. T. ra đời cho đặng cứu hết mọi người thế gian.

287 — H. — Kirixitô, nghĩa là làm sao ?

T. — Kirixitô nghĩa là chịu xức dầu, cùng là danh chung các đấng tiên tri cùng đấng có quờn tế lễ, và đấng làm vua nữa.

288 — H. — Vì sao Kirixitô là danh chung cho ba đấng ấy ?

T. — Vì chưng trong đạo Đ. C. T. quen xức dầu khi phong chức cho ba đấng ấy.

289 — H. — Đ. C. G. chịu xức dầu bao giờ, mà gọi Người là Kirixitô ?

T. — Đ. C. G. chẳng chịu xức dầu thế gian bởi tay người ta dâu, song le

Người chịu xức dầu thiêng liêng bởi phép Đ. C. Cha, cùng bởi ơn Đ. C. T. Thần, cho linh hồn Người đặng gồm phước lạ hơn các đấng Đ. C. T. sinh ra ; cho nên Người biết mọi sự, cùng đặng quờn tế lễ, và làm vua hằng sống hằng trị đời đời.

290 — H. — Con một Đ. C. Cha, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là, ngôi thứ hai bỡi Đ. C. Cha mà sinh ra, và có một tính cùng Đ. C. Cha.

291 — H. — Sao rằng : Con một Đ. C. Cha ?

T. — Vì có một ngôi thứ hai bởi bổn tính Đ. C. Cha mà sinh ra.

292 — H. — Sao rằng : là Chúa chúng tôi ?

T. — Đ. C. G. là Chúa chúng tôi, vì Người chẳng những là đã sinh ra ta, mà lại đã chuộc tội cho ta nữa.

Điều thứ ba.

Bởi phép Đ. C. T. Thần mà Ngươi xuống thai, sinh bởi Bà Maria đồng trinh.

293 — H. — Bởi phép Đ. C. T. Thần mà Ngươi xuống thai, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là Đ. C. T. Thần đã lấy máu cực sạch trong lòng rất thánh Đức Bà mà dựng nên một xác, bởi không lại dựng nên một linh hồn, thì Ngôi thứ hai liền hiệp với xác và linh hồn ấy mà nên người thật như ta.

294 — H. — Sinh bởi Bà Maria đồng trinh, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là người nữ rất thánh, tên là Maria, đã chịu thai và sinh đẻ con đoạn, người nữ ấy còn đồng trinh sạch sẽ cho đến trọn đời.

Điều thứ bốn.

Chịu nạn đời quan Phongxiô Phi-

latồ, chịu đóng đinh trên cây thánh Giá, chết và táng xác.

295 — H. — Chịu nạn đời quan Phongxiô Philatồ, chịu đóng đinh trên cây thánh Giá, chết và táng xác, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là Đ. C. G. chịu trói, chị giổ, chịu vả, chịu đòn, đội mũ gai, cùng chịu đóng đinh trên cây thánh Giá, đời quan Philatồ chăn giữ xứ Giuđêa thay vì vua Rôma.

296 — H. — Thánh Giá là đi gì ?

T. — Thánh Giá là hình phạt rất hèn. Vậy Đ. C. G. càng hạ mình xuống mà chịu hình phạt rất hèn dường ấy vì ta, thì tả càng phải ra sức đội ơn kinh mến Người hơn nữa.

297 — H. — Chết, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là linh hồn Người đã lìa ra khỏi xác như khi mọi người chết vậy ; nhưng mà tính Đ. C. T. còn

ở cùng xác và linh hồn Đ. C. G. chẳng lìa khỏi đâu.

298 — H. — Táng xác, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là Đ. C. G. chết đoạn, thì môn đệ lãnh lấy xác Người mà táng trong huyệt đá mới.

Điều thứ năm.

Xuống ngục tổ tông ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại.

299 — H. — Xuống ngục tổ tông, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là linh hồn Đ. C. G. lìa ra khỏi xác đoạn, liền xuống nơi linh hồn các thánh phải giam cầm dưới đất nầy, mà đợi trông Đ. C. G. rước lên Thiên đàng.

300 — H. — Vì lẽ nào nên linh hồn các thánh phải giam cầm mà đợi trông làm vậy ?

T. — Vì chưng từ ông Adong phạm

tội, thì cữa Thiên đàng đóng lại, nếu chẳng có công nghiệp Chúa Cứu thế, thì chẳng ai đặng lên Thiên đàng.

301 — H. — Ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại, nghĩa là làm sao?

T. — Nghĩa là Đ. C. G. chết đoạn, ngày thứ ba linh hồn và xác Đ. C. G. đã hiệp cùng nhau mà sống lại, ra khỏi huyệt đá tốt lành sáng láng.

Điều thứ sáu.

Lên trời ngự bên hữu Đ. C. Cha phép tắc vô cùng.

302 — H. — Lên trời, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là Đ. C. G. sống lại đoạn, khỏi bốn mươi ngày, thì Đ. C. G. lấy phép riêng Người mà lên trời.

303 — H. — Ngự bên hữu Đ. C. Cha phép tắc vô cùng, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là Đ. C. G. về tính

Đ. C. T. thì cũng một quờn một phép cùng Đ. C. Cha ; mà về tính người ta, thì Ngươi sang trọng phép tắc hơn các đấng, và các loài Đ. C. T. đã sinh ra.

Điều thứ bảy.

Ngày sau bởi trời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết.

304 — H. — Ngày sau bởi trời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là ngày tận thế Đ. C. G. ở trên trời sẽ ngự xuống oai nghi sáng láng mà phán xét, chẳng những là kẻ chết đã lâu, mà lại phán xét kẻ còn sống khi Người hiện xuống. Vì kẻ ấy cũng phải chết, đoạn sống lại tức thì mà chịu phán xét nữa.

Điều thứ tám.

Tôi tin kính Đ. C. T. Thần.

305 — H. — Tôi tin kính Đ. C. T. T., nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần là Ngôi thứ ba, bởi Đ. C. Cha và Đ. C. Con mà ra, cũng một tính một phép cùng hai Ngôi cực trọng ấy nữa.

306 — H. — Thần, nghĩa là làm sao?

T. — Thần, nghĩa là tính thiêng liêng.

307 — H. — Ba Ngôi cũng là một tính thiêng liêng, cũng là một đấng rất thánh, sao mà đặt Thánh Thần cho một Ngôi thứ ba mà thôi?

T. — Vì Ngôi thứ nhứt đã có tên riêng, là Cha, va Ngôi thứ hai đã có tên riêng là Con; cho nên dùng tên chung là Thánh Thần, mà đặt cho Ngôi thứ ba.

Điều thứ chín.

Tôi tin có Hội thánh hằng có ở khắp thế nầy, các thánh thông công.

308 — H. — Hội, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là các bổn đạo đều hiệp cùng nhau, mà chịu lụy đấng chính quờn thay mặt Đ. C. G.

309 — H. — Các bổn đạo đều hiệp làm một cùng nhau là thể nào ?

T. — Các bổn đạo đều hiệp làm một cùng nhau, vì bốn lẽ nầy ; một là các bổn đạo đều tin như nhau ; hai là dùng những phép mầu nhiệm Bí-tích cũng như nhau ; ba là cầu nguyện chung cho nhau ; bốn là đều chịu lụy Đức Giáo tông, là đấng thay mặt Đ. C. G.

310 — H. — Nếu vậy các bổn đạo mọi nơi về một Hội sao ?

T. — Phải, vì có một Hội mà thôi.

311 — H. — Vì sao gọi là Hội thánh?

T. — Gọi là Hội thánh, vì ba lẽ nầy : một là vì đấng làm đầu Hội thánh, là Đ. C. G., là mạch mọi sự thánh ; hai là vì lời giảng dạy cùng những

phép Hội thánh dùng là sự thánh ; ba là vì kẻ hiệp cùng Hội thánh thì mới đặng nên thánh mà thôi.

312 — H. — Hằng có ở khắp thế nầy, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là ở khắp mọi nơi, hằng có mọi đời.

313 — H. — Vì sao rằng : Hội thánh ở khắp thế nầy ?

T. — Vì chưng khắp bốn phương thiên hạ đều có giữ đạo Đ. C. T.

314 — H. — Sao rằng : Hội thánh hằng có mọi đời.

T. — Vì chẳng có đời nào, mà chẳng có kẻ thờ phượng Đ C T.

315 — H. — Các thánh thông công nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là các thánh ở trên trời, cùng các linh hồn ở lửa luyện ngục, và các bổn đạo dưới đất, đều thông công cùng nhau.

316 — H. — Các bổn đạo ở dưới

đất, đều thông công cùng các thánh trên trời là thể nào ?

T. — Các bổn đạo kính thờ, cầu xin cùng các thánh ở trên trời, mà các thánh bàu chữa cho bổn đạo trước mặt Đ. C. T.

317 — H. — Các bổn đạo thông công cùng các linh hồn nơi lửa luyện ngục là thể nào ?

T. — Các bổn đạo dâng việc lành phước đức, cầu cho linh hồn ở lửa luyện ngục: mà các linh hồn ấy khi đã đặng lên nước thiên đàng, thì cũng bàu chữa cho các bổn đạo nữa.

318 — H. — Các bổn đạo còn ở thế gian nầy thông công cùng nhau là thể nào ?

T. — Các bổn đạo có lòng kính mến Đ. C. T. cùng thương yêu nhau, thì chẳng những lập công cho mình, song lại làm ích cho kẻ khác nữa.

319 — H. — Kẻ mắc tội trọng có đặng thông công thể ấy chăng ?

T. — Những kẻ ấy đã mất nghĩa cùng Đ. C. T., thì chẳng đặng thông công thể ấy đâu ; song le kẻ ấy còn thuộc về Hội thánh, thì cậy nhờ việc lành người nhơn đức, cho đặng ăn năn trở lại cùng Đ. C. T..

ĐIỀU THỨ MƯỜI.

Tôi tin phép tha tội.

320 -- H. — Tôi tin phép tha tội, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là tôi tin trong Hội thánh có nhiêu phép Đ. C. G. đã lập để mà tha tội cho ta.

ĐIỀU THỨ MƯỜI MỘT.

Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại.

321 — H. — Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là bao nhiêu người

đã chết từ tạo thiên lập địa cho đến tận thế, đều sống lại cùng một xác cũ mình, mà chịu phán xét.

Điều thứ mười hai.

Tôi tin hằng sống vậy.

322 — H. — Tôi tin hằng sống vậy, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là loài người ta khi sống lại đoạn, thì linh hồn và xác kẻ lành lên Thiên đàng, hưởng phước thanh nhàn vui vẻ vô cùng ; còn linh hồn và xác kẻ dữ sa hoả ngục, chịu phạt khốn nạn đời đời kiếp kiếp.

Điều dạy về phép Thêm sức.

323 — H. — Phép Thêm sức là đi gì ?

T. — Là phép Đ. C. G. để truyền, cho ta đặng chịu Đ. C. T. Thần, cùng đặng đầy dẫy mọi ơn Người cho mạnh đạo.

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE · IMPRIMÉS · R.F.

324 — H. — Sao rằng : cho đặng chịu Đức Chúa Thánh Thần ?

T. — Vì kẻ chịu phép ấy nên, thì đặng Đ. C. T. Thần xuống trong lòng như các thánh Tông đồ xưa.

325 — H. — Vậy thì khi chịu phép Rửa tội, ta chẳng đặng chịu Đ. C. T. Thần sao ?

T. — Thật thì đã đặng, nhưng mà chưa đặng đầy dẫy mọi ơn Người.

326 — H. — Sao rằng : đặng đầy dẫy mọi ơn Người ?

T. — Vì kẻ chịu phép ấy nên, thì đặng đầy dẫy bảy ơn trọng nầy, gọi là bảy ơn Đ. C. T. Thần.

327 — H. — Ơn thứ nhứt là làm sao ?

T. — Ơn thứ nhứt, là sự khôn ngoan, làm cho ta bỏ mọi sự thế gian, mà yêu mến một Đ. C. T., cùng mọi sự đẹp ý Người.

328 — H. — Ơn thứ hai là làm sao ?

T. — Ơn thứ hai, là sự thông minh sáng láng, làm cho ta hiểu thấu lẽ mầu nhiệm đạo thánh Chúa.

329 — H. — Ơn thứ ba là làm sao?

T. — Ơn thứ ba là biết lo liệu, chọn sự lành mà lánh sự dữ.

330 — H. — Ơn thứ bốn là làm sao?

T. — Ơn thứ bốn, là sức mạnh, chẳng nệ chịu mọi sự khó cho đặng rỗi linh hồn.

331 — H. — Ơn thứ năm là làm sao?

T. — Ơn thứ năm là hay suy biết, mà dùng sự đời nầy cho nên kẻo lạc đàng lên Thiên đàng.

332 — H. — Ơn thứ sáu là làm sao?

T. — Ơn thứ sáu, là sự nhơn đức, làm cho ta hứng vui ái mộ thờ phượng Chúa.

333 — H. — Ơn thứ bảy là làm sao?

T. — Ơn thứ bảy là sự kính sợ

Đức Chúa Trời, làm cho ta lánh mọi sự mất lòng Chúa.

334 — H. — Sao rằng : cho mạnh đạo ?

T. — Vì phép ấy làm cho đặng lòng vững vàng, mà xưng đạo thánh Chúa ra trước mặt thiên hạ : cho nên thà chịu chết, chẳng thà bỏ đạo.

335 — H. — Kẻ chẳng chịu phép Thêm sức, có đặng rỗi linh hồn chăng ?

T. — Đặng ; song kẻ khinh, hay là làm biếng chẳng muốn chịu, thì phạm tội ; lại mất những ơn trọng bởi phép ấy mà ra.

336 — H. — Nên chịu phép nầy nhiều lần chăng ?

T. — Chẳng nên, phải chịu một lần mà thôi, vì phép ấy đã in một dấu thiêng liêng vào linh hồn chẳng hay mất.

337 — H. — Ai đặng quờn làm phép nầy ?

T. — Thường các đấng Giám mục đặng làm phép ấy mà thôi. Song cũng có khi Đức Giáo tông ban phép cho các đấng Giám mục ở trong các nước ngoại đạo, khi có thế ngặt đặng cho Linh mục làm phép ấy thay vì mình.

338 — H. — Khi làm phép ấy, người làm những lễ phép nào ?

T. — Người làm bốn sự nầy : một là đọc lời cầu nguyện ; hai là giơ tay trên đầu ; ba là lấy dầu thánh pha thuốc thơm tho, mà xức hình thánh Giá trên trán ; bốn là vả mặt kẻ chịu phép ấy.

339 — H. — Vì ý nào đức Giám mục đọc lời cầu nguyện ?

T. — Có ý cầu xin Đ. C. T. Thần xuống trong lòng kẻ chịu phép Thêm sức.

340 — H. — Vì ý nào người giơ tay trên đầu ?

T. — Có ý cho ta đặng biết Đ. C.

T. Thần thật ngự đến ở trong lòng kẻ chịu phép ấy.

341 — H. — Vì ý nào người lấy dầu thánh pha thuốc thơm tho mà xức hình thánh Giá trên trán ?

T. — Thứ nhứt, vốn dầu hay làm cho sự cứng ra mềm, và hay thấm ra; vậy dầu ấy chỉ phép Thêm sức hay làm cho kẻ cứng cỏi ra mềm mại dịu dàng, và vui lòng chịu mọi sự khốn khó ; lại dầu hay thấm ra, là chỉ ơn Đ. C. T. T. xuống đầy dẫy trong lòng kẻ chịu phép ấy. Thứ hai, thuốc thơm tho : là chỉ kẻ chịu phép ấy, thì phải làm mọi gương phrước đức, cho thơm danh đạo Chúa. Thứ ba, xức trên trán : nghĩa là kẻ chịu phép ấy chẳng nên hổ ngươi xưng đạo thánh Chúa Kiri xitô. Thứ bốn, xức hình thánh Giá : cho ta đặng biết mọi ơn lành kẻ chịu phép ấy đã đặng, thì đều bởi rất thánh Giá cùng sự thương khó Đ. C. G. mà ra.

342 — H. — Vì ý nào đức Giám mục vả mặt kẻ chịu phép ấy mà rằng: bình an cho con ?

T. — Nghĩa là kẻ có đạo hằng phải sẵn lòng, mà chịu mọi sự xấu hổ cùng sự khốn khó vì Chúa Kirixitô, thì mới đặng bình an.

343 — H. — Ai muốn chịu phép nầy cho nên, phải làm thể nào ?

T. — Phải dọn linh hồn và xác.

344 — H. — Dọn linh hồn là làm sao ?

T. — Một là thuộc biết những sự chính phải tin trong đạo thánh, cùng những ích bởi phép ấy mà ra ; hai là phải ở nơi thanh vắng, và có lòng tin, cậy, kính mến, khiêm nhượng, ước trông Đ. C. T. T. hiện xuống như các thánh Tông đồ xưa ; ba là phải cho sạch mọi tội, ít nữa là sạch các tội trọng.

345 — H. — Ai còn mắc tội trọng, mà chịu phép nầy có phạm tội chăng ?

T. — Phạm tội rất trọng, vì là phạm sự thánh.

346 — H. — Vậy, thì ai còn mắc tội trọng, mà muốn chịu phép nầy, phải làm thể nào ?

T. — Phải ăn năn cùng xưng tội nên.

347 — H. — Dọn xác là làm sao?

T. — Là phải ăn mặc sạch sẽ, nết na, tề chỉnh và lòng tôn kính khiêm nhượng quì gối trước mặt đức Giám mục mà chịu phép ấy.

348 — H. — Khi chịu phép Thêm sức đoạn, phải làm thể nào ?

T. — Phải lui ra nơi vắng vẻ trong nhà thờ, quì gối mà đợi đức Giám mục làm cho hoàn tất các lễ phép, cùng đọc mọi lời nguyện, và khi ấy phải làm bốn sự nầy ; một là cám ơn Đ. C. Trời vì phước trọng mình mới chịu ; hai là phải phú dâng mình cho Đ. C. T. Thần mà xin Người phù

hộ, cho đặng theo ý Người mọi đàng, cùng làm những việc lành cho sáng danh Người ; ba là dốc lòng từ nầy về sau giữ đạo Chúa cho trọn, chẳng còn sợ người thế gian cười chê nhạo báng, cùng vua chúa quan quyền bắt bớ, sát phạt lưu giam ; bốn là phải cầu xin cùng Đ. C. T. Thần hằng ngự trị lòng ta luôn, cho đặng giữ những ơn trọng ấy cho đến trọn đời.

349 — H. — Giữ những ơn trọng đã đặng khi chịu phép Thêm sức, có phải là sự cần kíp chăng ?

T. — Thật là sự rất cần kíp, vì ba lẽ nầy : 1 là, vì những ơn ấy là của rất trọng vọng châu báu trên hết mọi sự ; 2 là, khi đã mất những ơn trọng ấy mà muốn cho đặng lại thì rất khó ; 3 là, vì cả và đời ta đặng chịu phép Thêm sức một lần mà thôi.

350 — H. — Vậy thì phải làm thể nào cho đặng giữ những ơn trọng ấy.

T. — Phải làm ba sự nầy : thứ nhứt, phải nài xin Đ. C. T. Thần gìn giữ những ơn trọng ấy trong lòng ta ; thứ hai, hằng năm đến ngày mình đã chịu phép Thêm sức, thì phải làm một hai việc lành phước đức mà cám ơn Đ. C. Trời ; thứ ba, phải lánh những tội nghịch cùng ơn phép Thêm sức.

351 — H. — Tội nghịch cùng ơn phép Thêm sức là những tội nào ?

T. — Là bốn giống tội nầy : một là, khi nói đến sự mầu nhiệm trong đạo thánh Chúa mà chẳng có lòng cung kính, hay là nghe kẻ khác nói thể ấy, mà chẳng ngăn can ; hai là, hổ ngươi làm việc lành, cho nên bỏ qua, hay là làm chùng lén ; ba là, bỏ chính việc phải làm, vì sợ hoặc có sự gì thiệt hại đến mình chăng ; bốn là, làm cách nọ thế kia, kẻo người ta biết mình có đạo. Thật những kẻ ấy chớ trông đến ngày phán xét Chúa nhìn lại nó, vì có

lời Người phán rằng : « Kẻ nào hổ ngươi Tao trước mặt thiên hạ, thì Tao sẽ hổ ngươi nó trước mặt Cha Tao mà chớ ».

Điều dạy về phép Giải tội.

352 — H. — Phép Giải tội có mấy phần ?

T. — Có năm phần : thứ nhứt xét mình ; thứ hai ăn năn tội ; thứ ba dốc lòng chừa tội ; thứ bốn cáo mình xưng tội cùng thầy ; thứ năm vâng lời thầy dạy mà đền tội mình cho đủ.

353 — H. — Xét mình là làm sao ?

T. — Là suy đi xét lại cho tường tận mọi tội ta đã phạm trong mười giái răn Đ. C. T. mỗi tội đã mấy lần.

354 — H. — Ăn năn tội là làm sao ?

T. — Là lo buồn sợ hãi trên hết mọi sự lo, vì đã làm mất lòng Chúa.

355 — H. — Dốc lòng chừa là làm sao ?

T. — Là từ nầy về sau thà chịu chết, chẳng thà phạm tội nữa.

356 — *H.* — Xưng tội là làm sao ?

T. — Là bao nhiêu tội trọng ta đã phạm, thì phải xưng ra cùng thầy cho hết, chẳng nên giấu bớt một tội trọng nào.

357 — H. — Đền tội là làm sao ?

T. — Là những sự thầy giải tội dạy thì phải vâng làm cho đủ.

358 — H. — Có mấy cách đền tội ?

T. — Có ba : một là đọc kinh lần hột ; hai là ăn chay, hãm mình ; ba là thí của cho kẻ khó khăn phần xác cùng phần linh hồn.

359 H. — Kẻ đi xưng tội mà chẳng có làm năm sự ấy, có đặng ích gì chăng ?

T. — Chẳng những là vô ích, mà lại phạm tội rất trọng, vì là phạm sự thánh.

360 — H. — Muốn xưng tội cho nên, thì phải làm thể nào ?

T. — Trước hết, phải kiếm nơi vắng vẻ mà quì gối, đoạn lấy dấu thánh Giá trên mình, mà cầu xin cùng Đ. C. T. ba Ngôi phù hộ, soi lòng cho đặng xét mình cho nên.

361 — H. — Có phải cầu cùng Đ. Bà chăng ?

T. — Phải cầu cùng Đức Bà rất khoan nhơn, xin cùng Đ. C. T. soi sáng cho đặng nhớ lại mọi tội đã phạm mà xưng tội cho nên.

362 — H. — Phải cầu cùng Thiên thần giữ mình chăng ?

T. — Phải cầu cùng người luôn, nhứt là khi dọn mình mà đi xưng tội ; khi ấy ma quỉ làm hết sức cho đặng ngăn đón lòng ta, kẻo xét hết mọi tội lỗi ta làm, hầu tỏ cáo mình ta cùng thầy mà đặng sạch tội, hoá nên con

Đ. C. T., khỏi làm tôi tá nó, mà nó phải hổ ngươi.

363 — H. — Phải cầu cùng thánh bổn mạng ta chăng ?

T. — Cũng phải cầu cùng thánh bổn mạng ta, vì khi người còn ở thế gian, đã làm mọi việc phước đức, nên nay người ở trên trời, thì xin cùng người cầu nguyện cho đặng theo chơn người cho trọn, và xét mình mà xưng tội cho nên.

364 — H. — Khi cầu làm vậy, thì phải đọc những kinh gì ?

T. — Trước hết, phải đọc kinh Tin, Cậy, Kinh mến, mà cầu cùng Đ. C. T. ba Ngôi : xin soi sáng cho ta đặng xét biết mọi tội lỗi ta. Lại dâng kinh Nữ vương, xin cùng Đức Mẹ cầu thay nguyện giúp trước mặt Đ. C. T., cho ta xét mình mà xưng tội cho nên. Cùng dâng kinh đức thánh Thiên thần, xin người ngăn cấm ma quỉ, kẻo nó

làm rối lòng ta, vì nó là loài xấu xa dơ dáy, mà ai mê đàng tội lỗi theo ý nó, thì đẹp lòng nó. Vậy khi toan trở lại cùng Chúa mà dứt bỏ đàng tội lỗi, cùng xét mọi tính nết ta quen phạm tội mất lòng Chúa, mà tỏ cùng thầy, thì nó phải chịu thua ; nên nó ra sức đón ngăn ; khi ấy xin người bàu chữa cho ta đặng xét mình kỹ lưỡng. Sau hết, lại dâng một kinh Lạy Cha, một kinh Kính mầng, xin cùng thánh bổn mạng mình vì người, khi còn ở thế gian, đã xưng tội chịu lễ nên, nay Chúa thưởng công người cho ở trên trời cùng Chúa; vậy xin người cầu giúp cho ta đặng bắt chước người, mà xưng tội cho nên, hầu ngày sau đặng thấy người trên trời.

365 — H. — Khi đã làm bấy nhiêu điều đoạn, thì phải làm thể nào ?

T. — Phải ngồi xuống mà xét mình.

366 — H. — Lấy kinh nào mà xét?

T. — Trước hết phải lấy kinh mười giái răn Đ. C. T. mà xét.

367 — H. — Phải xét làm sao ?

T. — Là đọc hết một câu, thì phải nín lặng một giây, mà xét coi thử, từ ta xưng tội cho đến rày : đi chốn nào; ở cùng ai ; làm nghề nghiệp gì ; cùng mê tính xấu gì quen làm cho ta phạm tội, thì phải xét cho cẩn thận.

368 — H. — Như kẻ lâu năm không xưng tội, xét mình thể nào ?

T. — Bằng xét mình đặng từ xưng tội lần sau hết cho đến rày, thì cũng nên. Bằng chẳng, thì phải xét trong một năm ; mình đã ăn ở thể nào ; lại đi buôn bán xứ nào, hay là làm ruộng nương, ở chốn quê mùa, hay là chợ búa, thì phải xét trong một năm ấy cho thật mà định ; các năm khác cũng xét như vậy.

369 — H. — Ai xưng tội mà giấu tội, hay là nói không hết lẽ, thì làm sao ?

T. — Những kẻ ấy phải xét lại, từ xưng tội lần sau hết cho đến rày mà xưng ra cho thật thì mới khỏi.

370 — H. — Đã xưng tội cùng đã rước Lễ, mà còn xưng lại các tội làm chi ? nói ra tội giấu chẳng đủ sao ?

T. — Chẳng đủ ; đã hay rằng : đã xưng cùng đặng rước lễ mặc lòng, song bởi vì giấu tội, cùng chịu phép thánh Thể chẳng nên, thì cũng phạm sự thánh, nên khi đi xưng tội, trước phai xưng tội phạm sự thánh đã mấy lần, lại phải xét lại mọi tội đã xưng phen ấy mới nên.

371 — H. — Xét theo kinh mười giái có đủ chăng ?

T. — Chẳng đủ, cũng phải xét sáu sự răn Hội thánh nữa.

372 — H. — Vì sao mà chưa đủ ?

T. — Giả như trong quốc pháp vua chúa phán dạy đều gì, thì thứ dân phải cứ ; song cũng phải vâng cứ lời

cha mẹ, khi người dạy những đều phải lẽ, mới gọi là kẻ tận trung tận hiếu ; bằng kẻ nào vâng lịnh vua chúa mà bỏ cha mẹ, thì phạm tội bất hiếu bất trung. Vậy Đ. C. T. là vua trên hết các vua, đã ra lề luật là mười sự răn, thì ta phải xét đã giữ trọn cùng Chúa chăng. Mà Hội thánh là mẹ ta, muốn cho ta thuận thửa ý người mà giữ sáu điều răn cho trọn nữa, nên cũng phải xét ta đã vâng giữ hay chăng.

373 — H. — Còn lấy kinh nào mà xét nữa chăng.

T. — Phải xét theo bảy mối tội đầu nữa.

374 — H. — Xét mình rồi, đoạn phải làm đi gì ?

T. — Phải ăn năn tội.

375 — H. — Phải năn năn tội làm sao ?

T. — Trước hết phải cầu cùng Đ.

C. T. Thần soi sáng giục lòng ta ăn tội cho nên, đoạn đọc kinh nầy :

Lạy Chúa, Chúa đã sinh ra trời đất, che chở tôi, cùng muôn vật trong thế gian nầy mà dưỡng nuôi tôi cho sống ; mà tôi xưa nay đã dùng những vật ấy mà làm nghịch cùng Chúa ; vậy tôi bây giờ có lòng xót xa cùng đau đớn lắm, vì tôi là vật rất hèn Chúa sinh dưới đất. Xưa vốn tôi là không, mà Chúa đã sinh cho có, cùng cho tôi có trí khôn ngoan, cho đặng suy tưởng công ơn nghĩa Chúa ; mà tôi xưa nay những lấy trí mà lo tưởng những sự mất lòng Chúa : con mắt tôi xem những sự chẳng nên, tôi dùng lỗ tai nghe những đều quấy, miệng lưỡi tôi nói những lời tục tĩu hoa tình, cùng lời vô nhơn bạc ngãi, chơn tay cùng cả và mình tôi cũng vậy, đều làm những việc gian tà hết : mà Cha rất nhơn từ chẳng nỡ chấp tôi, hãy còn

duông tôi để sống đến rày, cho đặng gặp cha mà trở lại cùng Chúa. Tôi cậy vì công nghiệp Đức Chúa Giêsu bởi tội lỗi tôi, nên đã chịu chết vì tôi, xin tha tội cho tôi. Amen.

Kinh Dốc lòng chừa.

Lạy Chúa tôi, bây giờ tôi biết thật tó tường tội lôi tôi đã làm mất lòng Chúa lắm, mà lại nhiều hơn cát biển, mà Chúa rất nhơn từ chẳng chấp tôi, hãy còn chờ tôi trở lại mà tha tội cho tôi, mà tôi hãy còn bạc ngãi cùng Chúa dường ấy. Kìa vật rất hèn là con chó, mà hễ ai cho nó một chút xương không, nó còn biết ơn chẳng khuất, mà tôi xưa nay đã chịu những ơn Chúa xuống cho tôi rất trọng, mà tôi hãy còn bạc ngãi dường ấy, thật thì chẳng bằng loài vật, vì chẳng đoái đến công sinh thành cứu chuộc Chúa, tôi xưa nay một sấp cật trở lưng cho Chúa. Vậy bây

giờ tôi suy lại những công ơn, cùng chết vì tôi, thì tôi chẳng dám làm đều gì mất lòng Người nữa ; tôi dốc lòng từ nầy về sau, thà chịu khốn nạn vì Chúa hết lòng cho đến chết, chẳng thà phạm tội gì nữa, dầu trọng dầu hèn cũng vậy. Amen.

376 — H. — Kẻ ăn năn tội cùng dốc lòng chừa ngoài miệng, mà trong lòng lếu láo, có đặng ích chăng ?

T. — Làm vậy chẳng những là chẳng đặng ích gì, mà thêm mất lòng Chúa lắm, vì tưởng dễ dối Chúa như người thế gian, một xem bề ngoài, mà trong lòng biến cải thể nào, thì không biết đặng ; song chớ lầm làm chi, dầu ngoài miệng chẳng nói lời gì, miễn là trong lòng ăn năn thống hối, thì Chúa đã tỏ thấu, chẳng lựa than van, nan trách bề ngoài, thì Chúa mới hay.

377 — H. — Xưng tội cùng thầy là làm sao ?

T. — Là tỏ cáo mọi tội lỗi ta cùng thầy, chớ khá nói quanh, chẳng nên chữa mình rằng : bởi người nọ người kia mà làm cho tôi mắc phải tội lỗi ; nếu ai chữa mình tránh trút thể ấy, thì phép xưng tội cũng mất công, vì ta đi xưng tội ta chẳng phải đi xưng tội kẻ khác cùng chữa mình đâu.

378 — H. — Khi dọn vào toà Giải tội, thì phải làm thể nào ?

T. — Phải làm ba sự nầy : trước hết lạy bàn thờ, rồi lạy cha mà rằng : « Lạy cha, con là kẻ có tội, xin cha làm phước giải tội cho con »; đoạn lấy dấu thánh trên mình. Thứ hai cúi đầu xuống, mà đọc kinh Cáo mình xưng tội cho đến lời nầy rằng : « lòng động, lòng lo, miệng nói, mình làm », còn ba lời : « *lỗi tại tôi*. v. v. thì để lại sau. Thứ ba quì gối lên, ghé miệng lại bên thầy, mà nói lời nầy : một là xưng tội đã bao lâu nay ; hai là, khi xưng tội

lần sau hết, đặng chịu phép Giải tội hay là chưa ; ba là việc đền tội đã làm rồi hay là chưa.

379 — H. — Có nên để cho thầy hỏi đều ấy chăng ?

T. — Bằng chẳng nói thì thầy phải hỏi, nhưng mà đừng làm nặng lòng thầy làm chi.

380 — H. — Khi nói ba đều ấy đoạn, phải làm đều gì nữa chăng ?

T. — Ví bằng thầy có hỏi sự gì, thì thưa ; bằng chẳng thì xưng tội.

381 — H. — Xưng tội là làm sao?

T. — Là phải nói cho rỗ ràng mọi đều ta đã xét trong mười giải răn Đ. C. T., cùng sáu điều răn Hội thánh, và bảy mối tội đầu, thì phải xưng cho hết ; chớ khả nói quanh, chẳng nên chữa mình hay là giấu tội, vì ta đi xưng tội, chẳng phải tới cho đặng chữa mình, cùng giấu tội đâu.

382 — H. — Kẻ có ý giấu một tội trọng mà thôi, có phạm tội chăng ?

T. — Chẳng những là phạm tội trọng, vì là phạm sự thánh, mà lại các tội khác đã xưng, cũng chẳng khỏi nữa.

383 — H. — Vậy thì phải làm thể nào cho đặng khỏi tội ?

T. — Phải khẩu tâm như nhứt, trong lòng đã xét làm sao, thì ngoài miệng phải xưng ngay như vậy.

384 — H. — Khi xưng tội đoạn, thì phải làm thể nào ?

T. — Phải nói rằng : lạy cha, con cáo mình con về những tội nầy cùng các tội khác, tội quên, tội sót, phạm trót đời con, xin Chúa thứ tha, vì bằng có đẹp lòng cha, xin cha làm phước giải tội cho con.

385 — H. — Nói lời ấy đoạn, phải làm đi gì ?

T. — Phải cui xuong mà đọc kinh Cáo mình từ ba lời : « *lỗi tại tôi* v.v. »

cho đến hết ; rồi qui lên mà nghe lời thầy dạy răn an ủi, cùng chỉ việc đền tội, và đặng rước lễ hay là chăng, thì phải nghe tỏ rõ.

386 — H. — Khi nghe chẳng thật, có nên thưa lại chăng ?

T. — Bằng chẳng thưa lại cho biết, mà vâng cứ, thì kẻ ấy xưng tội chẳng nên, vì khinh dể lời thầy dạy dỗ, thì khốn cho kẻ ấy mà chớ.

387 — H. — Bằng chưa chịu phép Giải tội phen ấy, thì làm sao ?

T. — Phải cam chịu bằng lòng, cùng phải biết : sau trở lại cùng một cha, thì mọi tội đã xưng, chẳng phải xưng lại làm chi ; song phải xưng tội sót, cùng tội mới mà thôi ; bằng trở lại xưng cùng cha khác thì phái xưng lại mọi tội đã xưng cùng cha trước. Như cha trước chưa cho rước lê, mà đã cho phép Giải tội, thì thôi, chẳng phải xưng các tội phen trước làm chi.

388 — H. — Khi làm mọi đều ấy đoạn, phải làm đi gì ?

T. — Phải cúi đầu xuống cho khiêm nhượng, mà đọc kinh ăn năn tội cho có lòng sốt sắng ; rồi thì lạy cha cùng lạy bàn thờ mà ra.

389 — H. — Khi ra toà Giải tội đoạn, thì phải làm đi gì ?

T. — Phải nhớ lại những sự thầy giải tội dạy, cho đặng giữ mà làm, rồi thì đọc kinh lần hột.

390 — H. — Đọc kinh lần hột khỉ ấy, thì phải xin sự gì ?

T. — Trước hết phải tạ ơn Đ. C. T., vì Người còn duông ta sống đến rày, đặng gặp cha mà xưng tội ; cùng xin Người giúp sức cho ta đặng giữ mình sạch sẽ trọn đời, kẻo sa phạm tội gì mất lòng Người nữa ; lại phải dâng kinh dâng chuỗi tại ơn Đức Mẹ, cùng thánh Thiên thần, và thánh bổn mạng mình, vì người gìn giữ cho ta

đặng xưng tội, thì người cầu giúp cho ta đặng noi giữ lời Chúa rao truyền, cùng lời thầy dạy răn an ủi, mà chừa bỏ nết xấu cho đến trọn đời.

391 — H. — Đền tội là làm sao ?

T. — Là những sự thầy giải tội đã dạy thể nào, hoặc ăn chay, lần hột đọc kinh bao nhiêu thì phải giữ bấy nhiêu.

392 — H. — Thầy dạy việc đền tội ít, có nên theo ý riêng mình mà đổi việc khác cho nhiều hơn chăng ?

T. — Chẳng nên ; phải làm đủ việc người dạy đã ; sau muốn làm việc khác thì cũng nên.

393 — H. — Việc đền tội có nên nói ra cho kẻ khác hay chăng ?

T. — Vô ích, dầu nói cho kẻ nọ người kia, thì kẻ ấy cũng chẳng đền cho ta phần nào, mà lại trái ý thầy giải tội nữa.

Lời cần kíp

Để dạy kẻ ngoại khi gần chết.

1. — Có một Đ. C. T. phép tắc vô cùng, dựng nên trời đất ; mà Người có ba ngôi, ngôi thứ nhứt là Cha, ngôi thứ hai là Con, ngôi thứ ba là Thánh Thần, ba ngôi cũng một Chúa mà thôi.

2. — Bởi tội loài người ta, cho nên ngôi thứ hai ra đời làm người, sinh bởi Đức Nữ đồng trinh Maria, đặt tên là Giêsu.

3. — Đ. C. Giêsu chuộc tội cho thiên hạ, thì Người chịu nạn chịu chết trên cây thánh Giá ; ngày thứ ba Người sống lại, rồi Người ngự về trời.

4. — Linh hồn ta là giống thiêng liêng chẳng hề chết đặng.

5. — Có thiên đàng, là nơi vui vẻ Chúa dành để thưởng kẻ lành. Có hoả ngục, là nơi khổ hình để phạt kẻ dữ đời đời.

6. — Dạy nó bỏ bụt thần ma quỉ cùng giục nó ăn năn đau đớn, chê ghét tội lỗi cùng dốc lòng chừa, và đọc kinh Ăn năn cho nó lặp theo cũng nên.

Dạy nó cho biết, có phép Rửa tội, là phép làm cho ta khỏi tội lỗi, đặng nên con cái Đ. C. T.

Mỗi câu phải dạy lặp đi lặp lại nhiều lần, như nó chưa chết gấp.

Sau hết, khi thấy nó đã biết, lại muốn chịu phép Rửa tội, thì lấy nước đổ trên đầu và đọc rằng :

Tao rửa mầy, nhơn danh Cha, và Con và Thánh Thần.

Năm sự cần kíp.

Ta phải tin cho đặng rỗi linh hồn.

Một là, tôi phải tin có một Đức Chúa Trời, mà Người có ba ngôi, ngôi thứ nhứt là Cha, ngôi thứ hai là Con,

ngôi thứ ba là Thánh Thần ; ba ngôi cũng một Chúa, ba ngôi bằng nhau.

Hai là, tôi phải tin ngôi thứ hai ra đời làm người, có hồn có xác như ta, đặt tên là Giêsu, Người cũng là Đ. C. T. thật.

Ba là, tôi phải tin Đức Chúa Giêsu đã chịu nạn chịu chết trên cây thánh Giá, mà chuộc tội cho cả và loài người.

Bốn là, tôi phải tin linh hồn người ta là tính thiêng liêng, là giống hằng sống ; chẳng hề chết đặng.

Năm là, tôi phải tin có Thiên đàng, để thưởng kẻ lành ; có hoả ngục, để phạt kẻ dữ đời đời kiếp kiếp.

Tôi tin bấy nhiêu sự ấy, vì Đức Chúa Trời là đấng chơn thật vô cùng chẳng hề dối ai đặng, lại vì Đức Chúa Trời là đấng sáng láng vô cùng, thông biết mọi sự chẳng hề lầm đặng.

CHUNG

BIBLIOTECA NACIONAL
B. E.
IMPRIMÉS

THÁNH GIÁO YẾU LÝ

MỤC LỤC

Thiên Chúa nhứt thể tam vị..... 3
Giáng sanh cứu thế 8
Tử kỳ hữu định 12
Nhơn sanh tội chưởng..... 15
Về ơn nghĩa càng Chúa..... 20
Thánh Bí tích 25
Thánh Thể 30
Cáo giải..... 35
Cáo minh bổ thục..... 40
Chung phú, thần phẩm, hôn phối. 45
Thập giái 50
Giái thứ nhứt..... 51
» » hai..... 55
» » ba..... 56
» » bốn..... 57
» » năm..... 60
» » sáu, cùng thứ chín..... 61

Giải thứ bảy, cùng thứ mười.... 63
» » tám..... 64
Hội thánh điều luật..... 67
Thiên Chúa kinh giải..... 68
Thánh Mẫu kinh giải..... 77
Nghĩa 12 điều kinh Tin kính..... 80
Điều dạy về phép Thêm sức..... 97
Điều dạy về phép Giải tội..... 107
Lời cần kíp....., 124
Năm sự cần kíp..... 125



Imp. de Quinhon — 34-11

63
64
67
68
77
80
97
107
124
125

